

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ CHÍNH THẮNG 1

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ CHÍNH THẮNG 1

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1.	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2.	Phạm Công Vĩnh	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
3.	Tổng Ngọc Thơ	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
4.	Phan Thị Anh Thư	Thư ký Hội đồng Tổng phụ trách Đội	Ủy viên hội đồng	
5.	Ngô Hoàng Chinh	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên hội đồng	
6.	Phạm Nguyễn Thanh Tùng	Bí thư Chi đoàn	Ủy viên hội đồng	
7.	Nguyễn Thị Thu Hà	Tổ trưởng tổ Lịch sử- Địa Lý	Ủy viên hội đồng	
8.	Nguyễn Văn Mãng	Tổ trưởng tổ Hóa học	Ủy viên hội đồng	
9.	Lê Tấn Cường	Tổ trưởng tổ Toán	Ủy viên hội đồng	

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
10.	Trịnh Thị Liên	Tổ trưởng tổ Công nghệ	Ủy viên hội đồng	
11.	Nguyễn Thị Thu Phong	Tổ trưởng tổ GD&ĐT	Ủy viên hội đồng	
12.	Nguyễn Thị Khánh Linh	Tổ trưởng tổ Âm nhạc-Mỹ thuật	Ủy viên hội đồng	
13.	Lý Thị Hạnh	Tổ trưởng tổ Tiếng Anh	Ủy viên hội đồng	
14.	Trịnh Thị Kim Liên	Tổ trưởng tổ Ngữ văn	Ủy viên hội đồng	
15.	Trần Thị Hoàng Vi	Tổ trưởng tổ Vật lý	Ủy viên hội đồng	
16.	Lê Thị Quỳnh Anh	Tổ trưởng tổ Sinh học	Ủy viên hội đồng	
17.	Nguyễn Thị Thanh Sơn	Tổ trưởng tổ Tin học	Ủy viên hội đồng	
18.	Đỗ Ngọc Thiết	Tổ trưởng tổ Thể dục	Ủy viên hội đồng	
19.	Hồ Thị Minh Hiền	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Ủy viên hội đồng	
20.	Nguyễn Nhật Tiến	Nhân viên Công nghệ thông tin	Ủy viên hội đồng	
21.	Nguyễn Phạm Thanh Giang	Nhân viên Văn thư-Học vụ	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	14
Mở đầu	14
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	14
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	16
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	18
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	22
Tiêu chí 1.5: Lớp học	25
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	27
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	30
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	32
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	34
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	36
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	39
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	40
Mở đầu	40
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	41
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	43
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	45
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	47
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	50

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học	51
Mở đầu	51
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	51
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	53
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị	56
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	58
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	60
Tiêu chí 3.6: Thư viện	63
Kết luận Tiêu chuẩn 3	65
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	66
Mở đầu	66
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	66
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	69
Kết luận Tiêu chuẩn 4	71
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	72
Mở đầu	73
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	73
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	76
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	79
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	81
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	83
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	87
Kết luận Tiêu chuẩn 5	91
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	93
Phần IV. PHỤ LỤC	

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X		-
Tiêu chí 1.2		X		-
Tiêu chí 1.3		X	X	-
Tiêu chí 1.4		X		-
Tiêu chí 1.5		X		-
Tiêu chí 1.6		X	X	-
Tiêu chí 1.7		X		-
Tiêu chí 1.8		X	X	-
Tiêu chí 1.9		X		-
Tiêu chí 1.10		X		-
Tiêu chuẩn 2				-
Tiêu chí 2.1		X		-
Tiêu chí 2.2		X	X	-
Tiêu chí 2.3		X	X	-
Tiêu chí 2.4		X	X	-
Tiêu chuẩn 3				-
Tiêu chí 3.1		X		-
Tiêu chí 3.2		X		-
Tiêu chí 3.3		X	X	-

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 3.4		X	X	-
Tiêu chí 3.5		X	X	-
Tiêu chí 3.6		X		-
Tiêu chuẩn 4				-
Tiêu chí 4.1		X		-
Tiêu chí 4.2		X	X	-
Tiêu chuẩn 5				-
Tiêu chí 5.1		X	X	-
Tiêu chí 5.2		X	X	-
Tiêu chí 5.3		X	X	-
Tiêu chí 5.4		X	X	-
Tiêu chí 5.5		X		-
Tiêu chí 5.6		X	X	-

Kết quả: đạt Mức 1.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1.

Phần I.
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Trung học cơ sở Lý Chính Thắng 1.

Tên trường trước đây: Trường cấp 1, 2 Lý Chính Thắng.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn.

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Thành phố Hồ Chí Minh	Họ và tên Hiệu trưởng	Nguyễn Thị Thanh Thủy
Huyện/quận/thị xã/thành phố	Huyện Hóc Môn	Điện thoại	02837130651
Xã/phường/thị trấn	Xã Tân Thới Nhì	FAX	Không
Đạt chuẩn quốc gia	Không	Website	thcslychinhthang1.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1996	Số điểm trường	01
Công lập	X	Loại hình khác	Không
Tư thục	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp học

Số lớp	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Khối lớp 6	10	11	10	8	11
Khối lớp 7	10	10	11	10	08
Khối lớp 8	10	10	10	11	10
Khối lớp 9	10	9	9	10	11
Cộng	40	40	40	39	40

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	39	39	38	38	38
1	Phòng học	30	30	30	30	30
a	Phòng học kiên cố	30	30	30	30	30
b	Phòng học bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
2	Phòng học bộ môn	4	4	3	3	3
a	Phòng học kiên cố	4	4	3	3	3
b	Phòng học bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
3	Khối phục vụ học tập	5	5	5	5	5
a	Phòng học kiên cố	5	5	5	5	5
b	Phòng học bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
II	Khối phòng hành chính – quản trị	4	4	4	4	4
a	Phòng kiên cố	4	4	4	4	4
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
III	Thư viện	1	1	1	1	1
IV	Các công trình, khối	0	0	0	0	0

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
	phòng chức năng khác					
	Cộng	44	44	43	43	43

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 9 năm 2022

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	1		
Phó Hiệu trưởng	2	1	0	0	1	1	
Giáo viên	66	51	0	13	53		
Nhân viên	21	11	0		21		
Cộng	89	64	0	13	75	1	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
1	Tổng số giáo viên	67	65	64	65	66
2	Tỉ lệ giáo viên/lớp	67/40 1,68	65/40 1,63	64/40 1,60	65/39 1,67	65/40 1,63
3	Tỉ lệ giáo viên/học sinh	67/1668 0,040	65/1702 0,038	64/1702 0,037	65/1625 0,040	65/1738 0,037
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương	0	3	2	5	13
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	0	0	0	0	0

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
1	Tổng số học sinh	1668	1702	1702	1625	1738
	- Nữ	822	827	805	775	818
	- Dân tộc thiểu số	26	33	33	39	45
	- Khối lớp 6	450	503	442	345	498
	- Khối lớp 7	439	427	468	422	345
	- Khối lớp 8	391	415	417	451	419
	- Khối lớp 9	388	357	375	407	476
2	Tổng số tuyển mới	443	446	438	340	484
3	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0
4	Bán trú	0	0	0	0	0
5	Nội trú	0	0	0	0	0
6	Bình quân số học sinh/lớp học	42	43	43	42	43
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	1598 95,8%	1588 93,3%	1603 94,2%	1625 100%	1738 100%
	- Nữ	806	798	779	775	818
	- Dân tộc	24	33	28	39	45
8	Tổng số học sinh/học viên giỏi cấp tỉnh	2	2	3	2	11
9	Tổng số học sinh/học viên giỏi quốc gia	0	0	0	0	0
10	Tỉ lệ chuyên cấp (hoặc thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng)	99,7%	99,7%	100%	100%	100%

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi	31,9%	45,4%	49,1%	49,35%	42,0%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại khá	37,0%	35,0%	31,6%	30,95%	34,1%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	4,7%	3,7%	2,8%	3,02%	4,7%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạng kiểm tốt	80,6%	83,9%	82,7%	88,12%	85,0%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạng kiểm khá	16,0%	13,7%	13,4%	10,71%	11,7%	
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạng kiểm trung bình	3,4%	2,4%	3,9%	1,07%	0,1%	

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ:

1. Tình hình chung của trường

Trường Trung học cơ sở Lý Chính Thắng 1 tọa lạc tại số 5/5 ấp Dân Thắng 2, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là trường công lập được thành lập từ năm 1996 trên cơ sở tách từ Trường cấp 1, 2 Lý Chính Thắng. Sau 25 năm hoạt động giảng dạy và giáo dục. Trường đã có những bước phát triển bền vững. Tính đến đầu năm học 2022-2023, trường có 89 cán bộ - giáo viên – nhân viên được chia thành 12 tổ chuyên môn (Toán học, Ngữ văn, tiếng Anh, Lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử-Địa lý, Giáo dục công dân, Tin học, Âm nhạc-Mỹ thuật, Thể dục, Công nghệ) và một tổ Văn phòng. Trường có 39 lớp (khối 9: 10 lớp, khối 8: 11 lớp, khối 7: 10 lớp, khối 6: 8 lớp) với 1678 học sinh (khối 9: 417, khối 8: 467, khối 7: 435, khối 6: 359). Trường có Chi bộ Đảng với 27 đảng viên, Công đoàn cơ sở với 89 công đoàn viên và Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh với 20 đoàn viên. Về cơ sở vật chất: Trường có 30 phòng học, 12 phòng chức năng. Tổng diện tích sử dụng 6230 m².

Trong những năm qua, trường Trung học cơ sở Lý Chính Thắng 1 cũng đã từng bước khẳng định được uy tín, chất lượng của trường so với các trường trong huyện. Trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên khá đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ. Mỗi năm, trường đều có giáo viên tham gia thi giáo viên giỏi cấp trường, cấp huyện; đã có cán bộ, giáo viên được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Thành phố. Hằng năm, trường có nhiều học sinh được công nhận “Học sinh giỏi cấp huyện”.

Trường xác định được giáo dục giữ một vị trí quan trọng trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần vào việc xây dựng một nền kinh tế tri thức. Chính vì vậy, trong năm học 2022-2023, cùng với việc đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy và học, trường đặc biệt quan tâm đến công tác tự đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm

định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên ban hành kèm theo theo thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

2. Mục đích tự đánh giá

Trường Trung học cơ sở Lý Chính Thắng 1 tự kiểm tra để chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí và xây dựng các kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn của nhà trường, trường tự đánh giá trung thực các chỉ số, các tiêu chí của 5 tiêu chuẩn để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo cấp độ đạt được, từ đó không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá của nhà trường được tập huấn từ năm 2020 và tiến hành công tác tự đánh giá theo quy trình:

- Ngày 05 tháng 9 năm 2022: Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
- Ngày 05 tháng 9 năm 2022: Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
- Ngày 10 tháng 11 năm 2022: Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
- Ngày 15 tháng 11 năm 2022: Đánh giá mức độ đạt theo từng tiêu chí.
- Ngày 20 tháng 02 năm 2023: Viết báo cáo tự đánh giá.
- Ngày 20 tháng 04 năm 2023: Công bố báo cáo tự đánh giá.
- Ngày 10 tháng 05 năm 2023: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Quá trình tự đánh giá đã được thực hiện đúng hướng dẫn, đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công khai và khoa học. Trong quá trình tự đánh giá Hội đồng tự đánh giá đã xây dựng kế hoạch và phân công cụ thể cho từng thành viên. Để đảm

bảo tính trung thực trong báo cáo, nhà trường đã thu thập các minh chứng chính xác, đó là bằng chứng cho thấy các hoạt động của nhà trường, sự phấn đấu vươn lên của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá là: Báo cáo được trình bày lần lượt từng tiêu chí của từng tiêu chuẩn. Mỗi tiêu chí đều được mô tả rõ ràng, cụ thể hiện trạng của nhà trường cần đạt được trong mỗi tiêu chí. Sau khi mô tả hiện trạng, báo cáo tự đánh giá còn nêu ra những điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường và kế hoạch cải tiến chất lượng trong từng tiêu chí, tuy ngắn gọn nhưng rõ ràng và có tính khả thi.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Cơ cấu tổ chức và công tác quản lý của trường Trung học cơ sở Lý Chính Thắng 1 thường xuyên được bổ sung phù hợp với quy định của Điều lệ trường trung học góp phần tạo điều kiện thuận lợi để tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường phấn đấu dạy tốt, học tốt; nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển phù hợp với mục tiêu của giáo dục Trung học cơ sở được quy định tại Luật giáo dục. Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển có các thông tin, chỉ số phù hợp với định hướng trong Nghị quyết Đảng bộ xã Tân Thới Nhì, phù hợp với các nguồn lực của nhà trường và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội của địa phương [H1-1.1-01].

b) Kế hoạch chiến lược được xác định bằng văn bản và được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt [H1-1.1-02].

c) Kế hoạch chiến lược đã được niêm yết công khai tại bảng tin và được thông qua Hội đồng sư phạm [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].

Mức 2:

Nhà trường chưa có các giải pháp cụ thể để giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường.

Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển chưa thường xuyên có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; chưa có sự tham gia của học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Chiến lược phát triển nhà trường đã đề ra các giải pháp phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường có thực hiện nhiệm vụ theo chiến lược phát triển, tuy nhiên chưa có bổ sung, điều chỉnh. Và nhà trường chưa có các giải pháp cụ thể để giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng nhà trường tổ chức rà soát, lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh của trường; Đảng ủy, Ủy ban và các đoàn thể của xã Tân Thới Nhì, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn về nội dung bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp mục tiêu giáo dục, phù hợp thực tiễn của đơn vị và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; trình Hội đồng trường Trung học cơ sở Lý Chính Thắng 1 quyết định.

Trong năm học 2022-2023, nhà trường sẽ tiến hành rà soát, bổ sung điều chỉnh chiến lược của nhà trường phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo xu thế đổi mới giáo dục để đạt được các mục tiêu đề ra.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường được thành lập theo quy định tại khoản 1 điều 10 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn và Hội đồng trường có nhiệm kỳ 5 năm [H1-1.2-01]; vào đầu năm học, Hiệu trưởng đã ra các quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng; trong quyết định có nêu rõ trách nhiệm của từng thành viên trong Hội đồng theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; hội đồng tư vấn giáo dục [H1-1.2-02].

b) Hội đồng trường có cơ cấu tổ chức và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.2-03]. Hội đồng thi đua, khen thưởng có cơ cấu tổ chức và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 21 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.2-02].

c) Cuối học kỳ và cuối năm học nhà trường tiến hành rà soát, nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Kịp thời miễn nhiệm và bổ sung các thành viên của các Hội đồng theo quy định.

Mức 2:

Hoạt động của các hội đồng trên góp phần thực hiện tốt quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường, dù cơ cấu nhân sự thành viên còn chưa ổn định nhưng cũng đã tư vấn cho Hiệu trưởng tổ chức các phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh trong nhà trường. Từ đó, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, hiệu quả hoạt động của nhà trường [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các Hội đồng theo quy định. Các hội đồng có cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định.

Hàng năm, nhà trường có đánh giá, rà soát hoạt động của Hội đồng trường, Hội đồng thi đua, khen thưởng nhằm kịp thời định hướng xây dựng nội dung thi đua góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Do nhân sự có nhiều thay đổi nên cơ cấu chưa ổn định, còn thay đổi các thành viên trong Hội đồng trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Mỗi năm, Hiệu trưởng kiêm chủ tịch Hội đồng trường tiếp tục ổn định nhân sự, kiện toàn nhân sự Hội đồng trường, phát huy hiệu quả công tác hoạt động của Hội đồng trường; xây dựng chế độ, chính sách cho các thành viên trong hội đồng đề động viên, khuyến khích tinh thần làm việc.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Lý Chính Thắng 1 có các đoàn thể và các tổ chức khác, có cơ cấu tổ chức theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức đó. Tổ chức Công đoàn với 89 Công đoàn viên trực thuộc Liên đoàn Lao động huyện Hóc Môn, có Ban chấp hành Công đoàn gồm 5 thành viên, có Chủ tịch Công đoàn [H1-1.3-01]; có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 20 đoàn viên giáo viên trực thuộc xã đoàn Tân Thới Nhì, có Bí thư Chi đoàn và Phó Bí thư Chi đoàn [H1-1.3-02]; tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh gồm 1678 đội viên, có Ban chỉ huy Liên đội gồm 09 thành viên, có Liên đội trưởng [H1-1.3-03].

b) Hoạt động của các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong nhà trường được thực hiện theo các quy định hiện hành. Chi bộ lãnh đạo toàn diện nhà trường và các tổ chức đoàn thể thực hiện kế hoạch năm học và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đều có chương trình công tác hoặc kế hoạch hoạt động riêng của tổ chức đó, cùng phối hợp với Hiệu trưởng để thực hiện kế hoạch năm học nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao phù hợp với nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình [H1-1.3-04].

c) Hằng tháng, các tổ chức tiến hành họp định kỳ để kiểm điểm công tác, rút kinh nghiệm công tác tháng trước và triển khai nhiệm vụ công tác của tháng

sau nhằm giúp nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục. Sau mỗi học kỳ, cuối năm học các tổ chức đoàn thể trong nhà trường rà soát, kiểm điểm, đánh giá các hoạt động, từ đó nêu phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07].

Mức 2:

a) Chi bộ Đảng của nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam; Chi bộ có 27 đảng viên, trong đó Cấp ủy gồm 3 đảng viên (01 thành viên trong cán bộ quản lý giữ chức vụ Bí thư chi bộ). Từ năm 2017-2018, Chi bộ luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-08].

b) Công đoàn trường chăm lo tốt đời sống công đoàn viên để đội ngũ an tâm công tác, đồng thời vận động công đoàn viên tích cực tham gia các phong trào thi đua của trường, của ngành; Chi đoàn, Liên đội đã có những đóng góp bằng nhiều kết quả cụ thể [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10]; [H1-1.3-11]. Riêng về chi đoàn, đoàn viên giáo viên đều có kiêm nhiệm thêm công tác chủ nhiệm nên thời gian dành cho một số hoạt động đoàn như việc thực hiện các công trình thanh niên còn nhiều hạn chế.

Mức 3:

a) Từ năm 2016-2020, Chi bộ luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó năm 2019 chi bộ đạt thành tích “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” [H1-1.3-12].

b) Hoạt động của tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Chi hội Khuyến học trong nhà trường đóng góp tích cực, có hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cho địa phương. Hằng năm, chi hội khuyến học nhà trường trao học bổng cho học sinh khó khăn vượt khó, phần nào động viên học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập góp phần nâng cao hiệu suất đào tạo tại đơn vị [H1-1.3-13]. Tuy nhiên, các đoàn thể chưa có nhiều đóng góp hiệu quả cho hoạt động cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường đều hoạt động có nề nếp, đúng chức năng, có chất lượng và đã đạt được các danh hiệu: Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Công đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Liên đội mạnh trong 5 năm liền.

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội khác như Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường hoạt động theo quy định của tổ chức, quy định của pháp luật và luôn tạo hiệu quả trong nhiều năm, thực hiện tư vấn, tham mưu tích cực cho Hiệu trưởng trong các hoạt động.

Công tác Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên Tiên phong trong nhà trường đều được Chi bộ, Ban giám hiệu nhà trường quan tâm tạo điều kiện về tinh thần lẫn vật chất và chỉ đạo trực tiếp các đoàn thể phối hợp hoạt động.

3. Điểm yếu

Do đoàn viên giáo viên đều có kiêm nhiệm thêm công tác chủ nhiệm nên thời gian dành cho một số hoạt động Đoàn như việc thực hiện các công trình thanh niên còn nhiều hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì và phát huy các mặt mạnh của các tổ chức và các tổ chuyên môn trong trường.

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện của chi bộ và các hoạt động của Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội trong nhà trường.

Tăng cường công tác phối hợp hoạt động, để hoàn thiện kỹ năng tổ chức các hoạt động theo đúng quy định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng Phó Hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đến thời điểm tự đánh giá, nhà trường đủ số lượng cán bộ quản lý theo quy mô lớp gồm có 01 Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng, đúng quy định theo Điều lệ trường trung học [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

b) Hàng năm, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập các tổ chuyên môn và tổ văn phòng; bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng trên cơ sở giới thiệu của các tổ viên nhằm đảm bảo đúng cơ cấu theo quy định Điều lệ trường Trung học. Trường có 12 tổ chuyên môn gồm: tổ Toán, tổ Vật lý, tổ Hóa học, tổ Sinh học, tổ Ngữ văn, tổ Lịch sử-Giáo dục công dân, tổ Địa lý, tổ tiếng Anh, tổ Công nghệ, tổ Tin học, tổ Thể dục và tổ Âm nhạc-Mỹ thuật. Mỗi tổ đều có tổ trưởng do Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm [H1-1.4-04]. Mỗi tổ chuyên môn có tổ trưởng, chịu sự quản lý chỉ đạo của hiệu trưởng, do Hiệu trưởng bổ nhiệm trên cơ sở giới thiệu của các tổ viên và được Hiệu trưởng giao nhiệm vụ vào đầu năm học; các tổ trưởng đều

là những thành viên nhiệt tình, gương mẫu, giàu uy tín trước tập thể tổ. Ngoài ra trường có 01 tổ Văn phòng gồm viên chức làm công tác văn thư, kế toán, thủ quỹ, y tế trường học và nhân viên khác; các thành viên trong tổ Văn phòng giàu tâm huyết, vững nghiệp vụ [H1-1.4-05].

c) Các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định theo Điều lệ trường trung học. Hằng năm, các tổ chuyên môn dựa trên kế hoạch chung của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ với nội dung đi sâu vào đổi mới sinh hoạt chuyên môn, hướng dẫn giáo viên mới nhằm đưa ra những giải pháp tối ưu để hoạt động có hiệu quả, thực hiện sinh hoạt chuyên môn tổ theo quy định [H1-1.4-06]. Tổ Văn phòng xây dựng kế hoạch chung của tổ, mỗi bộ phận xây dựng kế hoạch hoạt động riêng của mình để thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công [H1-1.4-07].

Mức 2:

a) Mỗi năm, tổ chuyên môn của trường thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và luôn có kế hoạch xây dựng, thực hiện chuyên đề cấp trường, cấp huyện nhằm đẩy mạnh đổi mới hoạt động chuyên môn theo định hướng chung của ngành và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Hằng năm, trường được phân công thực hiện các chuyên đề cấp huyện do đã thực hiện có hiệu quả trong các năm học trước. Các chuyên đề đã được giáo viên cốt cán bộ môn của huyện, giáo viên bộ môn dự, đánh giá cao [H1-1.4-08].

b) Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng sinh hoạt 2 tuần một lần; từng học kỳ các tổ có sơ kết, tổng kết đánh giá những công tác làm được và đề ra phương hướng trong thời gian tới. Trong các buổi họp, tổ trưởng đảm bảo tạo điều kiện cho từng thành viên tự đánh giá hoạt động của cá nhân, có hình thức rà soát, nhận xét công việc của tổ với nhiệm vụ được phân công; điều chỉnh kế hoạch và cách thực hiện sao cho phù hợp với tình hình thực tế từ đó nâng cao chất lượng chuyên môn [H1-1.4-9].

Mức 3:

a) Các tổ trưởng chuyên môn chưa thực hiện 100% qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (bồi dưỡng tổ trưởng trường trung học cơ sở). Các tổ chuyên môn và

tổ Văn phòng hoạt động chưa hiệu quả, đảm bảo tiến độ thực hiện nhiệm vụ, có sự cải tiến trong phương thức hoạt động, đóng góp cho việc nâng cao chất lượng của nhà trường về mọi mặt. Một số ít tổ bộ môn chưa thực sự mạnh dạn đổi mới nội dung, hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, dạy học theo chủ đề, dạy học STEM, đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới phương pháp kiểm tra – đánh giá nhằm phát huy năng lực học sinh, nâng dần chất lượng mũi nhọn của nhà trường.

b) Tổ chuyên môn của trường thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và luôn có kế hoạch xây dựng, thực hiện chuyên đề cấp trường, cụm hoặc cấp huyện đạt kết quả tốt [H1-1.4-08].

2. Điểm mạnh

Trường có cơ cấu bộ máy tổ chức đủ các bộ phận và hoạt động có hiệu quả.

Các tổ chuyên môn có xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm và thực hiện tốt các chuyên đề góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục.

Có sự chủ động phối hợp giữa tổ văn phòng với các tổ chuyên môn góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số ít tổ bộ môn chưa thực sự mạnh dạn đổi mới nội dung, hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, nâng dần chất lượng mũi nhọn của nhà trường. dạy học theo chủ đề, dạy học STEM, đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá nhằm phát huy năng lực học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, nhà trường tiếp tục phát huy vai trò, tính chủ động sáng tạo của từng tổ trưởng. Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chủ động trong kế hoạch, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ mạnh dạn đổi mới nội dung, hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, dạy học theo chủ đề, dạy học STEM, đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới phương pháp kiểm tra –

đánh giá nhằm phát huy năng lực học sinh, định hướng tiệm cận dần đến chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tiếp tục rà soát quy hoạch lực lượng tổ trưởng chuyên môn kế cận để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao công tác nhân sự chủ chốt. Có kế hoạch để giáo viên phát huy năng lực, sở trường nhằm nâng dần chất lượng mũi nhọn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường có đủ các lớp của cấp học: có 4 khối 6, 7, 8, 9 [H1-1.5-01].
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; mỗi lớp có lớp trưởng, 1 hoặc 2 lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học. Lớp chia thành 4 tổ, mỗi tổ không quá 12 học sinh. Sĩ số học sinh trong lớp theo đúng quy định. Mỗi lớp có một giáo viên chủ nhiệm [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ: học sinh là nhân vật trung tâm và đóng vai trò tích cực, chủ động trong quá trình học tập, sinh hoạt tập thể. Đầu năm học, giáo viên chủ nhiệm nhận lớp sẽ tổ chức cho học sinh bầu chọn ban cán sự lớp [H1-1.5-04]. Các học sinh thảo luận và đề ra thang điểm thi đua giữa các tổ trong lớp. Hằng tuần dưới sự định hướng của giáo viên chủ nhiệm: trong tiết sinh hoạt chủ nhiệm các em góp ý, phê bình, khen thưởng các thành viên trong lớp, tổng kết điểm thi đua trong tuần, xếp hạng theo từng tổ và đề ra phương hướng hoạt động trong tuần tiếp theo. Chính việc thực hiện nguyên tắc dân chủ và tự quản lớp tốt góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng giáo dục, giúp tình hình an ninh trật tự nhà trường được ổn định. Vẫn còn một số lớp lựa chọn ban cán sự lớp chưa thật tốt do cảm tính.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định, mỗi lớp hơn 40 học sinh.

Mức 3:

Từ năm học 2016-2017 đến nay trường dao động từ 40 và 41 lớp, đáp ứng đúng quy định. Nhưng mỗi lớp số học sinh đều trên 40 học sinh.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có lớp học, điểm trường theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học.

Trường được xây dựng ở vị trí trung tâm xã Tân Thới Nhì, diện tích đất trường rộng, khuôn viên xanh, sạch, đẹp.

3. Điểm yếu

Số học sinh trong mỗi lớp còn cao. Vẫn còn một số lớp lựa chọn ban cán sự lớp chưa thật tốt do cảm tính.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cuối mỗi năm học, giáo viên chủ nhiệm các lớp thống kê số lượng, chất

lượng học sinh để cán bộ quản lý nhà trường sắp xếp lớp học nhằm đảm bảo tính linh hoạt và phù hợp yêu cầu khi tổ chức hoạt động. Hiện nay, huyện đã có kế hoạch xây dựng thêm một trường trung học cơ sở tại khu vực xã Tân Thới Nhì nên sắp tới việc đáp ứng sĩ số học sinh theo đúng quy định sẽ được cải thiện.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ sổ sách theo quy định tại Điều 27 của Điều lệ trường trung học và được quản lý đúng theo nhiệm vụ từng bộ phận:

- Hồ sơ của cán bộ quản lý: Văn kiện Hội nghị cán bộ - công chức, hồ sơ đánh giá công chức, viên chức cuối năm... [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02].

- Hồ sơ Học vụ: Sổ đăng bộ [H1-1.6-03]; sổ gọi tên và ghi điểm [H1-1.6-04]; sổ đầu bài [H1-1.6-05]; học bạ học sinh [H1-1.6-06]; sổ quản lý cấp phát văn bằng [H1-1.6-07]; sổ chuyên đi - chuyên đến [H1-1.6-08]. Hệ thống hồ sơ sổ sách được sử dụng, bảo quản tốt ở phòng học vụ.

- Hồ sơ Văn thư: Sổ lưu trữ công văn đi, đến [H1-1.6-09]; [H1-1.6-10].

- Hồ sơ Tài vụ: Hồ sơ quản lý tài chính, sổ tài sản, quy chế chi tiêu nội bộ [H1-1.6-11]; [H1-1.6-12]; [H1-1.6-13].

- Hồ sơ Y tế: hồ sơ theo dõi sức khoẻ của học sinh, của cán bộ - giáo viên - nhân viên [H1-1.6-14].

- Hồ sơ đối với giáo viên:

+ Tất cả giáo viên bộ môn đều có bài soạn theo quy định, sổ kế hoạch giảng dạy theo tuần, sổ dự giờ để ghi chép và rút kinh nghiệm các tiết dạy của đồng nghiệp [H1-1.6-15].

+ Tất cả giáo viên chủ nhiệm đều có sổ chủ nhiệm, sổ gọi tên – ghi điểm theo mẫu chung [H1-1.5-03]; [H1-1.6-04].

b) Nhà trường lập dự toán thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản định kỳ đúng quy định [H1-1.6-16]; thực hiện công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản của đơn vị [H1-1.6-17]. Hằng năm, quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, hiệu quả phù hợp với thực tiễn nhà trường [H1-1.6-13].

c) Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục; tuy nhiên đôi lúc việc cập nhật sổ tài sản của kế toán còn chậm. Hiệu trưởng phát huy quyền làm chủ tập thể trong công tác quản lý và sử dụng tài sản công; tăng cường vai trò, trách nhiệm của các bộ phận trong công tác tự kiểm tra có sự giám sát của Ban Thanh tra nhân dân cũng như

phát huy tốt tài sản được trang bị [H1-1.6-18].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính thông qua các phần mềm như: phần mềm quản lý cán bộ công chức, phần mềm EPMIS. Nhà trường thực hiện quản lý tài chính và tài sản thông qua các phần mềm như: phần mềm quản lý tài sản, phần mềm kế toán IMAS. Nhà trường sử dụng các phần mềm trên đã đem lại hiệu quả trong việc giảm tải sức lao động, tiết kiệm chi phí văn phòng phẩm, hệ thống hồ sơ được thiết lập khoa học [H1-1.6-19].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán; không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo biên bản kiểm tra quyết toán hằng năm [H1-1.6-20].

Mức 3:

Chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Xây dựng được quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và có biểu quyết nhất trí cao của viên chức và người lao động. Hoạt động tài chính minh bạch rõ ràng không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

3. Điểm yếu

Chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn huy động nguồn lực tài chính để phát triển nhà trường

từ xã hội hóa và tiếp tục duy trì, phát huy việc quản lí tài chính, tài sản minh bạch rõ ràng, hiệu quả theo quy định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lí cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lí, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong những năm qua, nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên và nhân viên trường; hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng hằng năm đều tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ quản lí [H1-1.7-01].

b) Nhà trường có phân công, sử dụng cán bộ quản lí, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý bằng bảng phân công nhiệm vụ theo đề án vị trí việc làm. Việc phân công chuyên môn, sử dụng cán bộ quản lí, giáo viên và nhân viên của nhà trường theo đúng năng lực, sở trường công tác đảm bảo hiệu quả các hoạt động [H1-1.7-02].

c) Cán bộ quản lí, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ trường trung học và các văn bản hiện hành khác. Bảng lương và các chế độ phụ cấp khác của giáo viên hằng tháng được niêm yết

công khai trên bảng thông tin [H1-1.7-03].

Mức 2:

Hằng năm, Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên dựa trên năng lực, sở trường và kinh nghiệm của từng cá nhân; lựa chọn các cá nhân tích cực để phân công quản lý tổ, nhóm. Tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập nâng chuẩn phát triển năng lực; có chế độ động viên khen thưởng, tạo điều kiện học tập nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học [H1-1.6-13]. Hiện nay vẫn còn một vài giáo viên chưa đạt trình độ đại học, đang trong lộ trình học tập nâng chuẩn trình độ đào tạo và đảm bảo quy định theo Luật Giáo dục 2019.

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện việc quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh chặt chẽ theo đúng quy định của Điều lệ.

Công tác quản lý của nhà trường được hỗ trợ thực hiện bằng các phần mềm đảm bảo cho việc lưu trữ, truy cập thông tin nhanh chóng và thuận lợi.

Nhà trường đã tổ chức tốt các phong trào thi đua, các cuộc vận động theo hướng dẫn của ngành tác động tích cực tới hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường từ đó phát hiện được nhiều cá nhân điển hình tiên tiến.

3. Điểm yếu

Còn một vài giáo viên chưa đạt trình độ đại học, đang trong lộ trình học tập nâng chuẩn trình độ đào tạo.

Một số giáo viên chưa mạnh dạn đăng ký thi giáo viên giỏi cấp huyện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, Hiệu trưởng tạo điều kiện và có chế độ khuyến khích cho giáo viên chưa tốt nghiệp đại học chuyên ngành được học tập nâng chuẩn theo lộ trình Luật Giáo dục 2019. Phần đầu hằng năm có 100% giáo viên

trong nhà trường đạt kết quả từ khá trở lên theo Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở.

Khi có tổ chức hội thi giáo viên giỏi cấp huyện thì nhà trường phân công lực lượng hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi, có chế độ đãi ngộ, khen thưởng kịp thời xứng đáng để khuyến khích giáo viên mạnh dạn đăng kí tham gia thi giáo viên giỏi cấp huyện.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ngay từ đầu năm học, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục, các kế hoạch khác... phục vụ cho hoạt động giảng dạy phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường; phổ biến công khai đến toàn thể Hội đồng sư phạm nhà trường [H1-1.8-01].

b) Căn cứ vào kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo, dựa vào tình hình thực tế của nhà trường; hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn và từng cá nhân xây dựng kế hoạch giáo dục thực hiện nhiệm vụ trong năm học, trong đó đề ra các biện pháp hữu hiệu nhằm nâng cao chất lượng dạy và học; việc thực hiện kế hoạch là tiêu chí đánh giá trong nội dung thi đua. Giáo viên thực hiện

đúng đủ chương trình theo kế hoạch cá nhân, kế hoạch phổ cập giáo dục ở địa phương [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03].

c) Việc thực hiện kế hoạch giáo dục được các tổ, nhóm trưởng kiểm tra, đánh giá theo từng học kỳ và có sự điều chỉnh bổ sung qua những lần họp tổ, nhóm hay trong các cuộc họp đơn vị. Tuy nhiên, việc đưa ra các giải pháp điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế ở một số tổ nhóm đôi khi còn chậm trễ [H1-1.4-07].

Định kỳ nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục theo từng năm học [H1-1.8-04].

Mức 2:

Hằng năm, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng định kỳ tiến hành kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các hoạt động giáo dục thông qua việc rà soát đánh giá hoạt động dạy, chất lượng giáo dục của bộ môn để điều chỉnh kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.4-10]. Các tổ chuyên môn hằng tháng họp theo đúng chế độ và rà soát đánh giá hoạt động dạy, chất lượng giáo dục của bộ môn, xây dựng điều chỉnh kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.4-07]; [H1-1.8-05]. Nhà trường quan tâm và tổ chức động nghiên cứu khoa học nhưng còn hạn chế về thành tích đạt được các cấp.

Trong các cuộc họp chi bộ, họp giao ban đầu tuần, họp hội đồng sư phạm, họp cha mẹ học sinh: Trường phổ biến rộng rãi, đầy đủ các văn bản quy định về dạy thêm, học thêm tới toàn thể giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh. [H1-1.8-06].

Thường xuyên chỉ đạo, nhắc nhở giáo viên thực hiện nghiêm Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác của Ủy ban nhân dân huyện. Hiện nay, giáo viên trong nhà trường thực hiện tốt quy định, không có giáo viên vi phạm việc dạy thêm, học thêm.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện kế hoạch giáo dục đúng quy định, cán bộ quản lý và giáo viên thực hiện tốt việc đổi mới công tác quản lý và phương pháp giảng dạy nhằm thực hiện tốt các chỉ tiêu đề ra. Các tổ chuyên môn hằng tháng hội họp theo đúng chế độ và rà soát đánh giá hoạt động dạy, chất lượng giáo dục của bộ môn, xây dựng, điều chỉnh kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Hiện nay, giáo viên trong nhà trường thực hiện tốt quy định về việc dạy thêm, học thêm.

3. Điểm yếu

Nhà trường quan tâm và tổ chức động nghiên cứu khoa học nhưng còn hạn chế về thành tích đạt được các cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chức nhiều hoạt động nghiên cứu khoa học trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Việc xây dựng quy chế thực hiện dân chủ trong nhà trường được xác định cụ thể trong Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm. Ban chấp hành Công đoàn và Ban Thanh tra nhân dân giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường [H1-1.6-01]. Mỗi năm, vào đầu năm học nhà trường đều tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch năm học, nội quy cơ quan, thang điểm thi đua, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế dân chủ và các văn bản liên quan đến các hoạt động của nhà trường thông qua các cuộc họp tổ công đoàn, tổ chuyên môn và Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức [H1-1.6-01]. Tuy nhiên, việc đóng góp ý kiến, thảo luận của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên cho việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở chủ yếu tập trung thảo luận nhiều về Quy chế chi tiêu nội bộ, về chế độ chính sách, chưa tập trung sâu vào các nội dung khác.

b) Trường đảm bảo thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường [H1-1.6-01]. Các khiếu nại, kiến nghị, phản ánh của giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh hằng năm đều được giải quyết đúng pháp luật. [H1-1.9-01].

c) Hằng năm, Hiệu trưởng luôn phối hợp cùng Ban chấp hành Công đoàn và Ban Thanh tra nhân dân thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định của các cấp [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03].

Mức 2:

Vẫn có khiếu nại, kiến nghị, phản ánh của giáo viên, nhân viên vượt cấp.

2. Điểm mạnh

Luôn phát huy tối đa việc phối hợp thực hiện giữa nhà trường với tổ chức Công đoàn trong thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại đơn vị.

Đảm bảo thực hiện các nội dung công khai trong quy chế dân chủ cơ sở; thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của nhà trường theo từng nội dung cụ thể.

Nhà trường xây dựng được quy chế dân chủ cơ sở và thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở tại đơn vị. Lãnh đạo nhà trường thực hiện việc giải quyết các kiến nghị, phản ánh một cách hợp tình, hợp lý.

Tổ chức tốt cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế các hoạt động của trường.

3. Điểm yếu

Việc đóng góp ý kiến, thảo luận của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên cho việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở chủ yếu tập trung thảo luận nhiều về Quy chế chi tiêu nội bộ, về chế độ chính sách, chưa tập trung sâu vào các nội dung khác. Vẫn còn khiếu nại, kiến nghị, phản ánh vượt cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2022-2023, Hiệu trưởng phối hợp với Ban chấp hành công đoàn hướng dẫn cụ thể về việc phát huy dân chủ cơ sở, động viên đội ngũ phát huy quyền dân chủ trong đơn vị, tạo điều kiện để giáo viên đóng góp ý kiến sâu vào tất cả các nội quy, quy chế, kế hoạch... có liên quan.

Phát huy tối đa vai trò của tổ chức Công đoàn trong việc nắm bắt thông tin, tâm tư nguyện vọng của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên. Triển khai đầy đủ các văn bản, giải thích rõ ràng từng nội dung cụ thể để cán bộ, giáo viên, nhân viên nắm vững, tránh khiếu nại về sau. Công đoàn và Ban Thanh tra nhân dân cần giải quyết các vấn đề tại cơ sở đúng quy định, hợp tình hợp lý để tránh khiếu nại, kiến nghị phản ánh vượt cấp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn

phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường phối hợp với Công an xã tuyên truyền Luật giao thông đường bộ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh. Xây dựng quy chế phối hợp tốt với Trạm y tế xã trong việc phòng chống dịch bệnh trong và ngoài nhà trường. Trường thành lập Ban an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai, có kế hoạch hoạt động cụ thể nhằm đảm bảo an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03].

b) Nhà trường có hộp thư góp ý đặt tại trước khu hành chính, gần cầu thang lên lầu 1, cho mọi đối tượng tham gia góp ý cho hoạt động giáo dục của nhà

trường, để cho học sinh và phụ huynh có thể phản ánh tâm tư, nguyện vọng hoặc trình bày những điều các em không tiện nói với thầy cô, cha mẹ [H1-1.10-04]. Trường trang bị hệ thống camera theo dõi từng khu vực trong toàn trường, giám thị và bảo vệ thường xuyên kiểm tra các hành lang, góc khuất, nhà vệ sinh vào giờ ra chơi, để kịp thời ngăn chặn các biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường [H1-1.10-05]

c) Công tác tuyên truyền phòng chống bạo lực học đường luôn được nhà trường quan tâm thực hiện thông qua các giờ sinh hoạt dưới cờ, các buổi giáo dục kỹ năng sống và các tiết sinh hoạt chủ nhiệm. Vì vậy học sinh của nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới xảy ra trong nhà trường, không xảy ra các trường hợp học sinh bạo lực, đánh nhau gây thương tích trong nhà trường [H1-1.10-06].

Mức 2:

a) Hằng năm, trường phối hợp với Công an xã tuyên truyền Luật giao thông đường bộ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh. Trường phối hợp với Trạm y tế xã, Hội Liên hiệp phụ nữ xã: tăng cường tuyên truyền giáo dục giáo dục kỹ năng sống, về bình đẳng giới, về giáo dục sức khỏe sinh sản trẻ vị thành niên giúp tăng cường kiến thức cho học sinh về kỹ năng sống, khả năng tự vệ khi bị xâm phạm thân thể, kỹ năng xử lý tình huống xảy ra trong sinh hoạt hằng ngày nhưng số buổi tuyên truyền còn ít và không đều ở các năm. [H1-1.10-01].

Nhà trường có tập huấn nghiệp vụ và xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy. Định kỳ được kiểm tra việc an toàn cháy nổ, việc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của căn tin [H1-1.10-07].

b) Trường trang bị hệ thống camera theo dõi từng khu vực trong toàn trường, giám thị thường xuyên kiểm tra các hành lang, góc khuất, nhà vệ sinh vào giờ ra chơi, để kịp thời ngăn chặn các biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường [H1-1.10-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã làm tốt công tác phối hợp với Công an xã tuyên truyền Luật giao thông, hướng dẫn học sinh tự vệ. Trường phối hợp với Trạm Y tế xã trong việc phòng chống dịch bệnh trong và ngoài nhà trường.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của trường có ý thức tốt góp phần đảm bảo tốt an ninh trật tự, an toàn vệ sinh thực phẩm trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Trường có phối hợp với Công an xã thực hiện tuyên truyền, giáo dục cho học sinh về Luật an toàn giao thông, về các kỹ năng tự vệ,... nhưng số buổi tuyên truyền còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng phối hợp với Công an xã tăng cường thêm các buổi tuyên truyền về Luật an toàn giao thông, kỹ năng sống.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có cơ cấu tổ chức phù hợp với quy định tại Điều lệ trường trung học và các quy định khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Có lớp học, số học sinh, điểm trường theo quy định của Điều lệ trường trung học. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh, Ban đại diện cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội khác của nhà trường hoạt động theo quy định của Điều lệ trường trung học, quy định của pháp luật và luôn đạt được những thành tích cao trong nhiều năm. Các tổ chuyên môn trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo đúng quy định, hoạt động theo đúng quy chế chuyên môn, các buổi họp đều có nội dung phong phú, thiết thực. Cán bộ nhân viên trong nhà trường chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy cơ quan và tuân thủ sự lãnh đạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp. Không có hiện tượng vi phạm

pháp luật hoặc tệ nạn xã hội, không có hiện tượng vi phạm quy chế chuyên môn; đảm bảo Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường. Thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua. Thực hiện nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh theo Điều lệ trường trung học tốt. Hoạt động tài chính minh bạch rõ ràng thực hiện theo đúng văn bản chỉ đạo.

Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường chưa có kế hoạch rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển chưa thường xuyên do khó khăn trong việc thống nhất giờ dự họp với các thành viên Hội đồng trường.

Trường có phối hợp với Công an xã thực hiện tuyên truyền, giáo dục cho học sinh về Luật an toàn giao thông, về các kỹ năng tự vệ,... nhưng số buổi tuyên truyền còn ít.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Trường có đội ngũ cán bộ quản lý nhiều kinh nghiệm, giáo viên và nhân viên đủ số lượng. Cán bộ quản lý nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ trên chuẩn, có năng lực, tận tụy, hết lòng với công việc, có nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và giúp đỡ tận tình cho giáo viên khi gặp khó khăn. Trình độ giáo viên của trường đảm bảo yêu cầu theo quy định, giáo viên có trình độ đạt và trên chuẩn, được đào tạo chuyên môn phù hợp với công tác được giao. Đội ngũ nhân viên có kinh nghiệm, đã qua các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ theo chuyên ngành và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường nêu cao tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau những khó khăn trong công tác cũng như trong cuộc sống, điều đó thúc đẩy hoạt động giáo dục của nhà trường ngày càng vững mạnh.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đảm bảo các tiêu chuẩn theo Điều 18 Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

b) Quá trình công tác lãnh đạo điều hành đơn vị của Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm. Hằng năm được Hội đồng trường và lãnh đạo đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng trở lên theo Quy định Chuẩn Hiệu trưởng trường trung học cơ sở: đánh giá chuẩn Hiệu trưởng đều đạt mức tốt, việc đánh giá Phó Hiệu trưởng hằng năm đạt mức khá [H2-2.1-01].

c) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng hằng năm tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ quản lý do ngành tổ chức. Hiệu trưởng và

Phó Hiệu trưởng đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường trung học: phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, trình độ chuyên môn vững vàng, có năng lực quản lý, đủ sức khoẻ theo yêu cầu, được tập thể giáo viên, nhân viên tín nhiệm [H2-2.1-02]. Có một Phó Hiệu trưởng có trình độ đào tạo trên chuẩn, vững vàng về chuyên môn và nghiệp vụ quản lý giáo dục.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được Hội đồng trường và lãnh đạo đánh giá ở mức khá trở lên theo Quy định Chuẩn Hiệu trưởng trường trung học cơ sở [H2-2.1-01].

b) Cán bộ quản lý nhà trường đã qua lớp bồi dưỡng Hiệu trưởng trung học cơ sở, cán bộ quản lý đã tốt nghiệp trung cấp chính trị. Nhà trường không tiến hành bỏ phiếu tín nhiệm hằng năm chỉ tổ chức lấy phiếu tin nhiệm khi đến đợt quy hoạch cán bộ quản lý hoặc khi cán bộ quản lý hết nhiệm kỳ.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được Hội đồng trường và lãnh đạo đánh giá ở mức khá trở lên theo Quy định Chuẩn Hiệu trưởng trường trung học cơ sở.

2. Điểm mạnh

Một Phó Hiệu trưởng có trình độ đào tạo trên chuẩn, vững vàng về chuyên môn và nghiệp vụ quản lý giáo dục.

3. Điểm yếu

Năng lực ngoại ngữ của Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng còn hạn chế trong việc giao tiếp với người nước ngoài.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng còn lại tiếp tục bồi dưỡng về trình độ chuyên môn và trình độ ngoại ngữ trong công tác quản lý.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ số lượng cán bộ quản lý và giáo viên trong đó có 03 cán bộ quản lý, 66 giáo viên (tỉ lệ 1,65 giáo viên/lớp) và 21 nhân viên; số lượng giáo viên được cơ cấu đủ các môn học bắt buộc theo quy định, đảm bảo tốt thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục của trường [H2-2.2-01].

b) Tính đến năm học 2022-2023, nhà trường có 80,3% giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo quy định, có 13 giáo viên chưa đạt trình độ Đại học. [H2-2.2-02].

c) Đội ngũ giáo viên nhà trường nhiệt tình trong công tác, có kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục. Hằng năm, có 100% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên [H2-2.2-03].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H2-2.2-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-03]. Tuy nhiên nâng cao trình độ vẫn còn chậm: hiện không có giáo viên đạt trình độ Thạc sĩ và có 13 giáo viên chưa đạt trình độ Đại học.

c) Nhà trường có đội ngũ giáo viên năng động, tích cực có khả năng xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, dạy nghề, thông qua đó để định hướng và phân luồng học sinh phù hợp với tình hình thực tế [H2-2.2-04].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-03].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên

có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

2. Điểm mạnh

100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo quy định, tỷ lệ giáo viên có trình độ trên chuẩn cao (80,3%).

100% giáo viên đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp xếp loại từ khá trở lên.

3. Điểm yếu

Giáo viên không có báo cáo nghiên cứu khoa học. Trường không có giáo viên đạt trình độ Thạc sĩ. Có 13 giáo viên chưa đạt trình độ Đại học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023 , Hiệu trưởng tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên nâng cao trình độ chuyên môn bằng cách phân công hợp lý lịch giảng dạy, các công tác chuyên môn,..

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Số lượng nhân viên đảm bảo cho các hoạt động của nhà trường như nhân viên thiết bị, y tế, văn thư, kế toán, thủ quỹ và nhân viên khác theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 07 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H2-2.3-01].

b) Đầu năm học, Hiệu trưởng căn cứ văn bằng, giấy chứng nhận, năng lực, kinh nghiệm thực tế của từng nhân viên để ra quyết định phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ và năng lực thực tế của mỗi người [H2-2.3-02].

c) Tất cả các nhân viên phối hợp hoạt động tốt, đảm bảo đầy đủ các hoạt động hành chính trong nhà trường và đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H2-2.3-03].

Mức 2:

a) Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định tại Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 07 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập. Tuy nhiên, phụ trách Thiết bị là hợp đồng 161 (vị trí phục vụ và bảo vệ), kế toán và nhân viên công nghệ thông tin là hợp đồng khoán. [H2-2.2-01].

b) Từ năm 2016 đến nay, nhà trường không có trường hợp nhân viên vi phạm nội quy đơn vị hay bị kỷ luật.

Mức 3:

a) Trường có các nhân viên có trình độ đáp ứng được theo vị trí việc làm [H2-2.3-02]:

Biên chế:

- Nhân viên y tế có trình độ: Trung cấp
- Văn thư có trình độ: Trung cấp

- Thủ quỹ có trình độ: Cao đẳng

- Thư viện có trình độ: Trung cấp

Hợp đồng:

- Công nghệ thông tin có trình độ: Đại học

- Kế toán có trình độ: Cao đẳng

Trường có trường hợp nhân viên không có trình độ đáp ứng được theo vị trí việc làm: nhân viên Thiết bị.

b) Hằng năm, nhà trường đều cử nhân viên tham gia các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. Riêng nhân viên Thiết bị chưa đạt chuẩn; việc tham gia các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên chưa đáp ứng vị trí việc làm.

2. Điểm mạnh

Nhân viên có trình độ đào tạo đúng chuyên ngành đáp ứng nhu cầu công việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Nhân viên Thiết bị chưa đạt chuẩn; việc tham gia các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên chưa đáp ứng vị trí việc làm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, Hiệu trưởng tiến hành hợp đồng hoặc đăng ký tuyển dụng nhân viên Thiết bị có trình độ phù hợp với vị trí việc làm và phân công và theo dõi chặt chẽ việc tham gia các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của các nhân viên để đảm bảo đầy đủ theo quy định.

Tạo điều kiện cho các nhân viên học tập nâng cao trình độ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

a) *Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*

- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường đảm bảo thực hiện tuyển sinh lớp 6 theo kế hoạch phân tuyến của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện đảm bảo đúng quy định của Điều 37 của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (kể cả học sinh dân tộc thiểu số); không có trường hợp học sinh đi học trước tuổi hoặc lưu ban quá 02 lần trong một cấp học [H2-2.4-01]; [H2-2.4-02].

b) Trong các tiết sinh hoạt chủ nhiệm vào đầu mỗi năm học, giáo viên chủ nhiệm triển khai đến học sinh Nội quy học sinh của trường theo những quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và các hành vi học sinh không được làm (Điều 38 và Điều 41 trong Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học) [H2-2.4-03].

c) Học sinh của trường được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 39 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học: được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được bảo đảm những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập ở lớp và tự học ở nhà, được cung cấp thông tin về việc học tập của mình, được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hoá, thể thao, được tôn trọng và bảo vệ, được đối xử bình đẳng, dân chủ, được quyền khiếu nại

với nhà trường..., Luật trẻ em và các quyền khác theo quy định của pháp luật [H2-2.4-02].

Học sinh giỏi và học sinh khó khăn, hiếu học được nhận học bổng do mạnh thường quân là cựu học sinh của trường và tập thể nhóm giáo viên của trường cấp. Học sinh thuộc diện chính sách được hưởng chế độ miễn giảm theo quy định [H2-2.4-04]; [H2-2.4-05].

Mức 2:

Giáo viên chủ nhiệm luôn quan tâm, nắm rõ hoàn cảnh của từng học sinh trong lớp mình phụ trách. Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, Tổng phụ trách Đội... có sự phối hợp chặt chẽ với phụ huynh trong các hoạt động giáo dục học sinh, phát hiện kịp thời các trường hợp học sinh vi phạm các hành vi không được làm và kịp thời thông báo cụ thể đến phụ huynh để có hướng hỗ trợ, giáo dục học sinh khắc phục hạn chế; áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp đối với từng đối tượng học sinh nhằm giúp các em có chuyên biến tích cực [H1-1.5-03]; [H2-2.4-03].

Mức 3:

Trong các tiết sinh hoạt dưới cờ, khi sơ kết thi đua từng học kỳ: cán bộ quản lý chỉ đạo Tổng phụ trách Đội khen thưởng, vinh danh các tập thể lớp và cá nhân học sinh có thành tích trong học tập, trong rèn luyện nhằm tạo ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường. Định kỳ, các buổi sinh hoạt dưới cờ, cán bộ quản lý phối hợp cùng Tổng phụ trách Đội luôn có hình thức khen thưởng, vinh danh tập thể lớp và học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện nhằm tạo ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường [H2-2.4-06].

Tuy nhiên chất lượng học tập của toàn trường vẫn chưa cao hơn trung bình của huyện.

2. Điểm mạnh

Học sinh của trường đều đảm bảo quy định về độ tuổi. Đa số học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và được đảm bảo các quyền theo quy định.

Học sinh giỏi, học sinh khó khăn, học sinh hiếu học, học sinh thuộc diện chính sách được quan tâm và tạo điều kiện học tập.

3. Điểm yếu

Học sinh có tham gia hoạt động tập thể nhưng vẫn còn một số em chưa tự tin.

Chất lượng học tập của toàn trường vẫn chưa cao hơn trung bình của huyện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng động viên và tạo điều kiện cho Tổng phụ trách Đội thực hiện các mô hình câu lạc bộ, khuyến khích bằng những phần thưởng ý nghĩa, làm phong phú hơn nội dung và hình thức học tập sinh hoạt giúp tạo sân chơi bổ ích, thú vị thu hút các em học sinh. Động viên và tạo điều kiện cho các em mạnh dạn tham gia các hoạt động tập thể của nhà trường.

Ban giám hiệu có kế hoạch phụ đạo học sinh yếu và bồi dưỡng học sinh giỏi. Nhắc nhở giáo viên chủ nhiệm quan tâm đến kết quả của học sinh để có biện pháp phù hợp giúp đỡ các em kịp thời.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều nhiệt tình, tâm huyết và được đánh giá cao về năng lực quản lý, về mức độ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trong 05 năm liên tiếp, có giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên tốt.

Tất cả học sinh đều đảm bảo về độ tuổi và đảm bảo đầy đủ các quyền theo quy định, được hỗ trợ khi gặp khó khăn, đồng thời khen thưởng khi có thành tích trong học tập, rèn luyện.

Điểm yếu cơ bản:

Số lượng giáo viên chưa nâng cao trình độ còn nhiều: 13 giáo viên.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trong suốt những năm qua, trường Trung học cơ sở Lý Chính Thắng 1 đã không ngừng tranh thủ các nguồn đầu tư của nhà nước để chăm lo xây dựng cơ sở vật chất và tăng cường trang thiết bị dạy học cho trường.

Đến nay trường Trung học cơ sở Lý Chính Thắng 1 có diện tích khuôn viên với 6230 m², có biển trường và tường rào bảo vệ tương đối vững chắc, hệ thống nước sạch ổn định.

Trường có đầy đủ phòng học và các phòng chức năng phục vụ cho hoạt động dạy và học. Phòng chức năng được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng dạy học hiện đại đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên và học sinh.

Sân chơi và bãi tập rộng; có 01 nhà xe giáo viên và khu để xe học sinh; khu vệ sinh và hệ thống cấp thoát nước được xây dựng với quy mô hiện đại và đúng theo quy định.

Cơ sở vật chất và trang thiết bị đầy đủ và hiện đại phục vụ có hiệu quả cho các hoạt động giáo dục của nhà trường một cách toàn diện.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) *Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*

b) *Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;*

c) *Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.*

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6 m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10 m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Lý Chính Thắng 1 có tổng diện tích khuôn viên là 6230 m², tính theo đầu học sinh đạt trên 3,7 m²/học sinh [H3-3.1-01]. Nhà trường luôn quan tâm, xây dựng cảnh quan trường lớp xanh-sạch-đẹp, đặc biệt từ năm học 2016-2017 hưởng ứng phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” việc tôn tạo cảnh quan sư phạm càng được chú trọng nhằm xây dựng môi trường học tập thân thiện, lành mạnh.

b) Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường gồm 1 cổng chính và 2 cổng phụ, biển trường được đặt ở vị trí phù hợp kiên cố, xung quanh trường có hệ thống tường rào bảo vệ đảm bảo an toàn, tạo điều kiện tốt cho việc dạy và học của giáo viên và học sinh [H3-3.1-02].

c) Trong khuôn viên nhà trường có khu sân chơi và bãi tập chung có diện tích 1000 m² [H3-3.1-03]. Nhưng chưa có bãi tập để luyện tập thể dục thể thao.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục: sử dụng sân chơi của học sinh làm đường chạy, sân cầu lông và sân bóng chuyền cũng trên sân chơi.

Mức 3:

Là trường thuộc khu vực ngoại thành nhưng do trường được thành lập năm 1996 về diện tích khuôn viên sân trường chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định tính theo đầu học sinh đạt trên 6,5 m²/học sinh.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, biển trường và tường rào bao quanh theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khuôn viên nhà trường luôn được giữ gìn vệ sinh đảm bảo môi trường “xanh-sạch-đẹp”.

Nhà trường có khu sân chơi cho học sinh thoáng mát hợp vệ sinh, rất phù hợp cho học vui chơi trong các giờ ra chơi và sinh hoạt tập thể.

Việc bố trí tổng thể trong khu vực của nhà trường hợp lý, các khu chức năng được bố trí riêng biệt khoa học và đảm bảo mỹ quan trường học.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có bãi tập để luyện tập thể dục thể thao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trước đây, Hiệu trưởng có hợp đồng một bảo vệ phụ trách chăm sóc cây xanh, nhưng chỉ có chăm sóc, hiện tại trường đã thay đổi người phụ trách công việc đó, ngoài thực hiện chăm còn làm cả công việc trồng. Trường đã, đang và sẽ liên tục vận động chi đoàn, công đoàn cùng chung tay trồng cây xanh và cây cảnh, tạo dựng môi trường “xanh-sạch-đẹp” phục vụ tốt hơn các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Từ học kỳ hai năm học 2022-2023, mỗi thứ hai chào cờ đầu tuần tổng phụ trách Đội sẽ sinh hoạt dưới cờ, đồng thời giáo dục học sinh ý thức bảo vệ môi trường. Ngoài ra giáo viên chủ nhiệm cũng chung tay giáo dục học sinh về bảo vệ môi trường qua tiết sinh hoạt chủ nhiệm. Do nhà trường chưa có bãi tập luyện tập thể dục thể thao nên thời gian tập luyện thể dục thể thao của học sinh sẽ chuyển vào ngoài giờ học chính khoá.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 30 phòng học văn hóa, 5 phòng học bộ môn; phòng học sơn màu xanh lá cây, có 10 bóng đèn, 2 quạt trần đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, bàn ghế mỗi phòng là 23 bàn 46 ghế học sinh, có bàn ghế của giáo viên, bảng từ dài 4,8m ngang 1,2m; có nội quy học sinh niêm yết trong mỗi phòng học [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]. Bàn ghế học sinh trong phòng học có kích thước bàn 1,2m x 0,4m x 0,75m; ghế 0,38m x 0,32m x 0,42m; vật liệu gỗ ghép công nghiệp liên kết lắp ráp bằng vít, mặt bàn màu vàng, chân sắt. Cơ sở vật chất trong phòng học đã có nhiều xuống cấp.

b) Nhà trường có khối phòng học bộ môn phục vụ cho các môn Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học đạt tiêu chuẩn quy định [H3-3.2-03] và được phân bố ở lầu 3.

c) Nhà trường có 01 phòng hoạt động Đoàn-Đội ghép chung với phòng Truyền thống của trường và 01 phòng thư viện thông thoáng với diện tích 72m² phục vụ cho bạn đọc hàng ngày [H3-3.2-04]; [H3-3.2-05].

Tuy nhiên hiện nay có tình trạng xuống cấp, cụ thể như sau:

Các phòng học và phòng chức năng bắt đầu xuống cấp.

Trần la-phông lâu 3 đang xuống cấp, đã có trường hợp rơi xuống nền.

Cửa sổ các phòng học chính quy không đóng kín được dẫn đến bị nước mưa văng vào lớp học khi trời mưa to.

Sơn tường mặt trong các lớp học đã bong tróc, cũ kỹ, mất thẩm mỹ.

Tay vịn lối lên cầu thang và hành lang các dãy lầu bị gỉ, gây nguy hiểm cho học sinh khi bị trầy xước.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh học, tuy nhiên chưa tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập vì không có lối đi riêng cho học sinh khuyết tật; chỉ có sử dụng 01 phòng dự kiến để học sinh khuyết tật đặc biệt để học.

b) Khối phục vụ học tập gồm các phòng Thiết bị, Thư viện, 3 phòng chuẩn bị thí nghiệm (Hóa học, Vật lí, Sinh học), đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định [H3-3.2-03]; [H3-3.2-05]; [H3-3.2-06].

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Chưa có phòng đúng quy định để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ khối phòng học thông thường, phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, đủ bàn ghế phù hợp với các đối tượng học sinh, có bàn ghế của giáo viên, bảng viết, có nội quy học sinh niêm yết trong mỗi phòng học; trong

đó có 2 phòng máy tính kết nối Internet phục vụ dạy học, khối phòng hành chính đảm bảo quy cách theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Điểm yếu

Cơ sở vật chất đã có nhiều xuống cấp như: các phòng học và phòng chức năng bắt đầu xuống cấp, trần la-phông lâu 3 đang xuống cấp đã có trường hợp rơi xuống nền, cửa sổ các phòng học chính quy không đóng kín được dẫn đến bị nước mưa văng vào lớp học khi trời mưa to, sơn tường mặt trong các lớp học đã bong tróc, cũ kỹ, mất thẩm mỹ, tay vịn lối lên cầu thang và hành lang các dãy lâu bị gỉ, gây nguy hiểm cho học sinh khi bị trầy xước.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng đã lập kế hoạch về lộ trình sửa chữa từ năm 2022 đến 2025 từ nguồn ngân sách của huyện Hóc Môn và huyện sẽ duyệt sửa chữa hằng năm.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) *Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường.*

b) *Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*

c) *Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.*

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Khối phòng hành chính - quản trị cơ bản đảm bảo theo đúng quy định gồm 8 phòng: phòng hành chính, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng giám thị, phòng thiết bị, phòng thư viện, phòng y tế và phòng Đoàn thể [H3-3.2-04]; [H3-3.2-05]; [H3-3.2-06]; [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02]; [H3-3.3-03].

Nhà trường có phòng y tế với trang thiết bị y tế gồm 02 giường khám bệnh, 01 buồng vệ sinh, 01 tủ thuốc, 01 băng ca, 01 cân sức khỏe và 01 máy vi tính có kết nối mạng và 01 máy in và một số loại thuốc sơ cấp cứu ban đầu thiết yếu theo đúng quy định gồm các danh mục thuốc trị bệnh thông thường, bông băng, nẹp, dầu thoa,... [H3-3.3-04]. Nhà trường có 12 máy tính, 05 máy in phục vụ công tác quản lý và giảng dạy. Phòng giám thị chưa có hệ thống loa để thông báo riêng.

b) Trường có 01 khu nhà để xe dành riêng cho giáo viên và 01 khu để xe học sinh, các nhà để xe có sức chứa hạn chế chưa đáp ứng đủ nhu cầu cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, có nhân viên bảo vệ trông xe [H3-3.3-05]; [H3-3.3-06].

c) Khối hành chính - quản trị với đầy đủ các thiết bị phục vụ hoạt động hành chính - quản trị: máy vi tính, máy in, máy photo, hệ thống loa (còn phòng giám thị chưa có hệ thống loa để thông báo riêng), âm thanh, kết nối Internet [H3-3.3-02]. Các thiết bị thường xuyên được sửa chữa bảo trì định kỳ.

Mức 2:

Trường có 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng phục vụ tốt cho công tác quản lý.

Một phòng y tế có trang thiết bị y tế tối thiểu và tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu theo quy định. Phòng y tế diện tích 24m², có 2 giường nằm, trang bị dụng cụ hỗ trợ đảm bảo các quy định về hoạt động y tế, hằng năm đều được đoàn kiểm tra của huyện kiểm tra xếp loại tốt.

Các phòng khác như: 01 phòng truyền thống, 01 phòng giám thị, 02 phòng nghỉ cho giáo viên nữ và giáo viên nam, được bố trí hợp lý đảm bảo hoạt động

thuận lợi, đảm bảo điều kiện sức khỏe cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.2-04]; [H3-3.3-07].

Mức 3:

Khối hành chính-quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường; Trường trang bị hệ thống camera đặt máy chủ tại phòng bảo vệ (cạnh phòng giám thị) và phòng Hiệu trưởng kết nối với 44 mắt quan sát được toàn bộ hành lang, cầu thang... nhằm theo dõi, quan sát hoạt động của học sinh [H1-1.10-05]. Trường trang bị 12 máy tính 100% kết nối Internet, 02 máy photo đều có wifi kết nối 24/24 nhằm phục vụ công tác quản lý và giảng dạy [H3-3.2-03]; [H3-3.3-07].

2. Điểm mạnh

Trường Trung học cơ sở Lý Chính Thắng 1 có khối phòng học, phòng học bộ môn, khối phòng hành chính - quản trị đủ đáp ứng nhu cầu học tập và giáo dục học sinh.

Trong trường có phòng y tế với trang thiết bị tối thiểu nhất phục vụ cho công tác chăm sóc sức khỏe học sinh và điều trị những bệnh thông thường của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

3. Điểm yếu

Phòng giám thị chưa có hệ thống loa để thông báo riêng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, Hiệu trưởng đề xuất kế hoạch mua sắm cho phòng giám thị loa để thông báo và quản lý, nhắc nhở học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 02 khu vệ sinh dành riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, mỗi khu vệ sinh này đều được chia riêng cho nam và nữ, vị trí đặt các khu vệ sinh này phù hợp với cảnh quan trường học, sạch sẽ an toàn và thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.4-01]; [H3-3.4-02].

b) Ngoài nguồn nước từ 2 giếng khoan phục vụ sinh hoạt, trường có 01 nguồn nước sạch để sử dụng nấu ăn uống cho căn-tin và hệ thống nước sạch đó qua hệ thống tia cực tím đảm bảo cho việc sử dụng nước uống đạt tiêu chuẩn đủ phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, hệ thống thoát nước được đấu nối với hệ thống cống bên ngoài [H3-3.4-03].

c) Thu gom rác được thực hiện mỗi ngày 1 lần do Hợp tác xã thu gom rác đảm nhận [H3-3.4-04].

Mức 2:

a) Khu vệ sinh được xây dựng theo từng khu riêng, có phòng nam, nữ riêng biệt; có nhà vệ sinh riêng cho giáo viên và học sinh, đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H3-3.4-01]; [H3-3.4-02].

b) Trường có 01 nguồn nước sạch, hệ thống nước sạch đó qua hệ thống tia cực tím đảm bảo cho việc sử dụng nước uống đạt tiêu chuẩn đủ phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, hệ thống thoát nước được đấu nối với hệ thống cống bên ngoài. Tuy nhiên hệ thống nước nhà vệ sinh thỉnh thoảng bị sự cố mất nước. Hợp tác xã Thương mại – Dịch vụ - Nông nghiệp Bảo Tín thu gom rác được thực hiện mỗi ngày 1 lần. Hệ thống cống, rãnh để dẫn thoát nước mưa, nước thải bảo đảm kín không rò rỉ, không ô nhiễm môi trường [H3-3.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường bố trí được khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh một cách phù hợp và thuận tiện.

3. Điểm yếu

Hệ thống nước nhà vệ sinh thỉnh thoảng mất nước, gây khó khăn cho việc vệ sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, Hiệu trưởng đang tham khảo công ty đúng chuyên môn để mời về kiểm tra và làm lại đường dây điện; kiểm tra thống máy bơm nước, các bồn chứa nước, đường dẫn nước và công ty phải đảm bảo bảo trì bảo dưỡng theo định kỳ, khắc phục được tình trạng mất nước xảy ra.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng như các loại giấy in, giấy photo và các loại giấy văn phòng; bút, viết các loại; các loại sổ, sách để ghi chép và sử dụng cho công tác chuyên môn; các loại bìa sơ mi, bìa kẹp; tủ đựng hồ sơ; bàn ghế và các loại máy in, máy photo để đảm bảo công việc của các bộ phận được diễn ra liên tục và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Nhà trường trang bị đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo Thông tư quy định cho các môn học để phục vụ công tác giảng dạy và học tập của học sinh [H3-3.5-01], số thiết bị dạy học này được sắp xếp ngăn nắp, khoa học tại phòng thiết bị và các phòng học bộ môn [H3-3.2-03]; [H3-3.2-06].

b) Trong năm học, giáo viên thường xuyên sử dụng các thiết bị dạy học có sẵn để phục vụ cho nhu cầu giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh [H3-3.5-02]. Hằng năm giáo viên thường xuyên tự làm một số đồ dùng dạy học để phục vụ cho công tác giảng dạy [H3-3.5-03].

c) Hằng năm, tổ chức rà soát, đánh giá lại về thực trạng bảo quản thiết bị giáo dục của nhà trường từ đó có kế hoạch và tiến hành tổ chức sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng và trang thiết bị dạy học [H3-3.5-04].

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Trường có 12 máy tính khối văn phòng, 90 máy tính phục vụ giảng dạy, 100% kết nối Internet, có wifi kết nối 24/24 nhằm phục vụ công tác quản lý và giảng dạy [H3-3.3-02]; [H3-3.2-03].

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập đảm bảo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; giáo viên đăng ký sử dụng thiết bị dạy học trước 1 tuần. Các thiết bị được cán bộ phụ trách thiết bị chuẩn bị trước, giáo viên thực hiện đăng ký sử dụng đồ dùng dạy học đúng quy định [H3-3.5-02]. Tuy nhiên một số thiết bị chưa đảm bảo chất lượng nên dễ hỏng sau khi sử dụng. Một số thiết bị phục vụ thí nghiệm môn Vật lý, Công nghệ, Sinh học chất lượng thấp, thiếu chính xác. Giáo viên tự làm đồ dùng dạy học chưa nhiều.

c) Hằng năm, giáo viên bộ môn các lớp cho học sinh tự làm đồ dùng dạy học để học, triển lãm, trưng bày... và được lưu giữ ở phòng thiết bị [H3-3.5-05]. Đầu năm, nhà trường cho các tổ bộ môn thống kê các đồ dùng hiện có còn sử dụng được, sắp xếp thiết bị, đồ dùng ngăn nắp; đề xuất bổ sung hoặc sửa chữa đồ dùng và thiết bị dạy học nhằm đáp ứng tốt cho hoạt động dạy và học [H3-3.5-04]. Một số thiết bị phục vụ thí nghiệm môn Vật lý, Công nghệ, Sinh học chất lượng thấp, thiếu chính xác.

Mức 3:

Nhà trường có phòng thiết bị, các phòng bộ môn đầy đủ số thiết bị dạy học cho từng bộ môn. Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được sử dụng; tuy nhiên việc khai thác, sử dụng đôi khi chưa thật hiệu quả với yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Giáo viên nhiệt tình sử dụng đồ dùng dạy học trong giảng dạy.

Thiết bị dạy học được trang bị đầy đủ, thuận lợi cho công tác bảo quản, sử dụng của giáo viên.

3. Điểm yếu

Một số thiết bị chưa đảm bảo chất lượng nên dễ hỏng sau khi sử dụng. Một số thiết bị phục vụ thí nghiệm môn Vật lí, Công nghệ, Sinh học chất lượng thấp, thiếu chính xác. Giáo viên tự làm đồ dùng dạy học chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022-2023, Hiệu trưởng phân công Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất động viên giáo viên tự làm đồ dùng dạy học thường xuyên hơn và kiểm tra theo dõi việc khai thác, sử dụng thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm đảm bảo mang lại hiệu quả cao đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện nhà trường đạt tiêu chuẩn “Thư viện trường học xuất sắc”, có phòng đọc với diện tích 72m² đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Mỗi năm, thư viện được bổ sung thêm các loại sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, sách pháp luật để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập và tìm kiếm thông tin của cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh [H3-3.6-01]; [H3-3.6-02].

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy và học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, mỗi ngày có khoảng 100 bạn đọc đến thư viện đọc và mượn sách tham khảo [H3-3.6-03].

c) Hằng năm vào cuối năm học, thư viện kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí và các xuất bản phẩm tham khảo [H3-3.6-04].

Mức 2:

Trường thực hiện mở rộng diện tích thư viện vào năm 2020 và thư viện đạt chuẩn Thư viện xuất sắc năm học 2022-2023 [H3-3.6-01].

Mức 3:

Thư viện của nhà trường chưa đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Chưa có trang bị hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học của giáo viên, nhân viên và học sinh.

2. Điểm mạnh

Số lượng đầu sách, thể loại sách báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, các văn bản quy phạm pháp luật được bổ sung hằng năm đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh.

Việc quản lý và hoạt động của thư viện được tổ chức khoa học, đạt hiệu quả cao trong việc phục vụ nhu cầu nghiên cứu và học tập.

3. Điểm yếu

Chưa có trang bị hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học của giáo viên, nhân viên và học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Bắt đầu từ năm học 2022-2023 vận động cựu học sinh và mạnh thường quân tặng máy tính phục vụ giáo viên và học sinh đọc báo mạng, tìm thông tin giảng dạy và học tập.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường Trung học cơ sở Lý Chính Thắng 1 có địa hình bằng phẳng, môi trường trong sạch thoáng mát. Trường có đủ phòng học, bàn ghế giáo viên, học sinh, bảng viết, nội quy học sinh theo quy định. Thư viện nhà trường có đủ tài liệu, sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập, sách tham khảo để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập. Cơ sở vật chất của nhà trường, thiết bị dạy học đầy đủ. Việc quản lý, sử dụng và bảo quản các khối phòng và trang thiết bị giáo dục được thực hiện tốt đã phát huy tác dụng tích cực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Phong trào xây dựng nhà trường xanh, sạch, đẹp, an toàn và thân thiện được chú trọng thực hiện thường xuyên với những giải pháp cụ thể mang tính ngắn hạn và dài hạn.

Điểm yếu cơ bản:

Một số đồ dùng dạy học phục vụ cho việc dạy và học đã bị hư hỏng và xuống cấp.

Máy tính hỏng liên tục, cũ, khó nâng cấp để đáp ứng nhu cầu đào tạo theo chuẩn quốc tế cho học sinh.

Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Sự phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh trong nhiều năm qua đã và đang được phát huy hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường, nhất là trong công tác giảng dạy và học tập, công tác vận động xã hội hóa, hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ dạy học, hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu hằng năm,... Ngoài ra mối quan hệ giữa nhà trường với nhân dân và chính quyền ở địa phương, các tổ chức đoàn thể đóng trên địa bàn ngày càng gắn bó. Đó là những yếu tố quan trọng góp phần vào thành tích chung của trường Trung học cơ sở Lý Chính Thắng 1 trong những năm qua.

Khó khăn hiện tại của nhà trường là một số phụ huynh học sinh thiếu quan tâm phối hợp giáo dục học sinh, còn khoán trắng cho nhà trường trong công tác giáo dục cho học sinh. Hoạt động của một số tổ chức đoàn thể ở địa phương chưa đi vào chiều sâu trong công tác giáo dục.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh gồm 5 thành viên do Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp cử ra. Ban đại diện cha mẹ học sinh được tổ chức và xây dựng nghị quyết hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp tích cực với ban giám hiệu giáo dục đạo đức học sinh, hỗ trợ tích cực cho hoạt động dạy và học của trường [H4-4.1-01].

b) Mỗi năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh tiến hành họp và đề ra kế hoạch hoạt động cụ thể [H4-4.1-02].

c) Nhà trường đã chủ động tổ chức cuộc họp toàn thể cha mẹ học sinh theo định kỳ 01 năm 03 lần và đột xuất; tiếp thu ý kiến của Ban đại diện cha mẹ học sinh về công tác quản lý, công tác giảng dạy của nhà trường, bàn biện pháp phối hợp giáo dục học sinh và giúp Ban giám hiệu giải quyết những kiến nghị của cha mẹ học sinh [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

Mức 2:

Nhà trường xây dựng được mối quan hệ tích cực, hiệu quả giữa các lực lượng giáo dục; sự tham gia và phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và cha mẹ học sinh. Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường tập hợp ý kiến của các Ban đại diện cha mẹ học sinh từng lớp, của cha mẹ học sinh để thống nhất với Hiệu trưởng các biện pháp giải quyết [H4- 4.1-03]; Ban đại diện cha mẹ học sinh cùng với chuyên trách phổ cập tìm hiểu và tổ chức vận động học sinh bỏ học tiếp tục đi học, phối hợp với giáo viên chủ nhiệm xác minh các hoàn cảnh học sinh khó khăn để kịp thời hỗ trợ và giúp đỡ.

Mức 3:

Nhà trường tạo mọi điều kiện tốt nhất để Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện tốt công tác giáo dục toàn diện cho học sinh, đề ra các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh, góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Tuy nhiên, việc đóng góp ý kiến của cha mẹ

học sinh còn ít và chưa đi vào chiều sâu trong công tác quản lý của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh trường có kế hoạch phối hợp với nhà trường để tuyên truyền đến phụ huynh cùng có trách nhiệm trong việc quản lý giáo dục đạo đức cho con em mỗi người.

Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường được tổ chức, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

3. Điểm yếu

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động còn chưa đồng bộ do đặc thù nghề nghiệp nên việc họp định kỳ còn hạn chế. Đóng góp ý kiến của cha mẹ học sinh còn ít và chưa đi vào chiều sâu trong công tác quản lý của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, nhà trường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh để có thông tin kịp thời hoặc trao đổi trực tiếp nhằm tạo điều kiện cho Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động hiệu quả.

Trong năm học 2022-2023, nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh trường cần xây dựng Nghị quyết cụ thể về việc Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, lớp đến dự họp đầy đủ hơn. Ban giám hiệu vận động Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp sắp xếp thời gian dự họp, đồng thời nâng cao chất lượng cuộc họp để tạo hiệu quả cao nhất cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ vào Nghị quyết của Chi bộ, Đảng bộ và chính quyền xã Tân Thới Nhì, Hiệu trưởng chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương đề ra kế hoạch và các biện pháp cụ thể nhằm phát triển nhà trường [H4-4.2-01].

b) Thông qua các buổi họp với cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh,... trường thường xuyên tuyên truyền để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường [H4-4.1-03].

c) Nhà trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài trợ tự nguyện để sửa chữa cơ sở vật chất và thiết bị dạy học. Mỗi năm, trường đều có

vận động mạnh thường quân trợ cấp học bổng cho học sinh đầu năm và khen thưởng học sinh cuối năm, khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc, hỗ trợ học sinh có tiến bộ. Mỗi năm, Ban giám hiệu đều khen thưởng học sinh tiến bộ từ nguồn quỹ Khuyến học để động viên học sinh đã có nhiều tiến bộ vươn lên trong học tập [H2-2.4-04].

Mức 2:

a) Bí thư Chi bộ nhà trường đồng thời là Hiệu trưởng nên thuận lợi hơn trong việc thường xuyên tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường, kế hoạch năm học [H1-1.8-01].

b) Trường phối hợp với Chi Đoàn và Ban hướng nghiệp tổ chức giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc như cho học sinh tham quan lịch sử địa phương: khu di tích lịch sử Ngã Ba Giồng, các điểm văn hóa dân tộc: Rạch Gầm – Xoài Mút, Bảo tàng lịch sử, các di tích lịch sử khác; tạo điều kiện cho học sinh học tập trải nghiệm thông qua tham quan thực tế sản xuất, tìm hiểu những ứng dụng khoa học kỹ thuật tại khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành phố,... cũng như ứng dụng kiến thức vào trong thực tế cuộc sống, làm cho các em hứng thú hơn trong quá trình học tập bộ môn Sinh, Công nghệ... [H4-4.2-02]; [H4-4.2-03].

Mức 3:

Nhà trường chưa tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

2. Điểm mạnh

Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương thường xuyên quan tâm đến mọi hoạt động giáo dục của trường.

Nhà trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất; tăng thêm phương tiện, thiết

bị dạy học; khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

3. Điểm yếu

Chưa thật sự huy động hết tiềm lực của các tổ chức xã hội và cá nhân ngoài nhà trường tham gia vào hoạt động giáo dục.

Nhà trường chưa tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, cán bộ quản lý nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm tăng cường phối hợp với các ban ngành đoàn thể, cá nhân, tổ chức cấp ủy, chính quyền địa phương, công tác xã hội hóa giáo dục, huy động mọi nguồn lực xã hội chăm lo cho sự nghiệp giáo dục. Hiệu trưởng có kế hoạch và biện pháp để tham mưu với Đảng ủy và Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhi, huyện Hóc Môn nhằm phát triển nhà trường. Ngoài ra, Hiệu trưởng nhà trường còn chú ý phát huy tốt vai trò của chi hội khuyến học nhà trường trong việc phát huy nguồn lực tự nguyện để hỗ trợ nhà trường trong việc khuyến học, khuyến tài.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, trường được kiện toàn tổ chức ngay từ đầu năm học, thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh đã góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục học sinh.

Nhà trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện, theo quy định của các tổ chức, cá nhân đặc biệt là Ban đại diện cha mẹ học sinh để xây dựng cơ sở vật chất; tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học; khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc khác và hỗ trợ học sinh có hoàn

cảnh khó khăn. Sự tham gia và kết hợp giữa nhà trường và phụ huynh đã tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên an tâm công tác đảm bảo tốt hoạt động dạy và học.

Sự phối hợp giữa các tổ chức chính trị trong và ngoài nhà trường được phát huy tương đối tốt thông qua quy chế phối hợp giữa Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ và Hội Khuyến học.

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với Đảng ủy và chính quyền địa phương về kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của trường do đó đã tranh thủ được sự lãnh đạo toàn diện của các cấp Ủy Đảng, chính quyền địa phương, tranh thủ được sự quan tâm ủng hộ của địa phương về những chủ trương lớn của nhà trường. Nhờ sự phối hợp này, nhà trường cũng đã nhận được sự ủng hộ tinh thần, vật chất của các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội nghề nghiệp, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn để góp phần chăm lo cho sự nghiệp trồng người.

Điểm yếu cơ bản:

Cần có kế hoạch dài hạn trong việc huy động các doanh nghiệp và các tổ chức kinh doanh ủng hộ về xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường.

Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02.

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Trong các năm học, nhà trường luôn triển khai đầy đủ kế hoạch giáo dục tới toàn thể hội đồng sư phạm, Ban đại diện cha mẹ học sinh. Các bộ phận, các tổ đều nắm vững các biện pháp thực hiện kế hoạch đề ra. Nhà trường thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thường xuyên tổ chức chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, thường xuyên thực hiện bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém, tổ chức tốt các phong trào văn hóa văn nghệ thể thao, thực hiện tốt việc giáo dục kĩ năng sống cho học sinh. Do vậy, các năm học qua kết quả học tập của học sinh đạt nhiều thành tích khả quan. Chất lượng chung về học lực cũng như kết quả học sinh giỏi đạt giải các bộ môn trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện

và chất lượng hạnh kiểm học sinh toàn trường luôn ổn định, chất lượng năm sau cao hơn so với năm trước. Bên cạnh đó, giáo dục thể chất, giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề đạt kết quả tốt, góp phần quan trọng thúc đẩy thành tích chung của nhà trường.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục: căn cứ kế hoạch hoạt động chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ Kế hoạch hoạt động chuyên môn của

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn, dựa vào tình hình thực tiễn tại đơn vị, nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn từng năm học, kế hoạch cá nhân [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

b) Căn cứ vào kế hoạch hoạt động chuyên môn của trường, các tổ trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn của tổ với các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường [H1-1.8-05]. Trên cơ sở đó, mỗi giáo viên cũng chú trọng thực hiện cân đối giữa truyền thụ kiến thức với rèn luyện kỹ năng tư duy cho học sinh, bồi dưỡng phương pháp tự học; trong quá trình dạy học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện cho các em kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H1-1.8-02].

c) Đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng chú trọng đánh giá phẩm chất và năng lực của học sinh, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả; kết hợp một cách hợp lý, phù hợp giữa hình thức trắc nghiệm tự luận với trắc nghiệm khách quan, giữa kiểm tra lý thuyết và kiểm tra thực hành trong các bài kiểm tra; xây dựng đề kiểm tra theo ma trận đảm bảo 4 mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao. Khi chấm bài kiểm tra có phần nhận xét, hướng dẫn sửa sai, động viên sự cố gắng, tiến bộ của học sinh. Các tổ bộ môn họp thống nhất đáp án chấm và bài chấm đảm bảo khách quan, trung thực. Sau mỗi đợt kiểm tra học kỳ các tổ, nhóm bộ môn họp rút kinh nghiệm về hoạt động giảng dạy cũng như thống kê chất lượng bộ môn; từ đó đề ra các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan hơn; cũng như đề ra các biện pháp giảng dạy tốt hơn [H5-5.1-01].

Mức 2:

a) Hằng năm, Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận chuyên môn (phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn) triển khai đến từng giáo viên thực hiện đúng chương trình giảng dạy, xây dựng kế hoạch cá nhân lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh [H1-1.8-02].

b) Trường xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra chọn học sinh có năng khiếu ở từng môn, bồi dưỡng các em tham gia các kì kiểm tra học sinh giỏi cấp huyện và thành phố [H5-5.1-02]. Qua các đợt kiểm tra và trong quá trình học tập của học sinh, nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức phụ đạo học sinh yếu theo từng môn [H5-5.1-03]. Đối với học sinh hòa nhập trường quan tâm, giúp đỡ tạo điều kiện thuận lợi cho các em tham gia các hoạt động học tập và vui chơi đặc thù phù hợp với từng học sinh [H5-5.1-04].

Mức 3:

Định kỳ các tổ bộ môn có tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập hàng tháng để từ đó bổ sung điều chỉnh nội dung giải pháp nhằm đạt được mục tiêu giáo dục đã đề ra chất lượng mỗi năm học đều có tăng nhưng so với bình quân chung của huyện thì vẫn thấp [H5-5.1-05]. Tuy nhiên, hiệu quả của việc rà soát kế hoạch giảng dạy và học tập của học sinh chưa cao.

2. Điểm mạnh

Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và phối hợp cùng với giáo viên chủ nhiệm tìm hiểu, tổ chức kiểm tra cấp trường cho các em học sinh có năng khiếu ở từng môn từ đầu năm học và sớm đẩy mạnh bồi dưỡng theo môn để học sinh có thể đạt thành tích cao trong các kì kiểm tra học sinh giỏi cấp huyện và thành phố. Cán bộ quản lý nhà trường có kế hoạch thực hiện rà soát, kiểm tra, đánh giá và rút kinh nghiệm việc thực hiện nhiệm vụ từng năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập hàng tháng thông qua hoạt động của tổ chuyên môn.

3. Điểm yếu

Hiệu quả của việc rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập của nhà trường chưa cao. Chất lượng học tập so với bình quân huyện vẫn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác giúp đỡ và phụ đạo học sinh yếu kém. Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn chú trọng rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập đạt hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đầu năm, nhà trường xây dựng các kế hoạch giáo dục bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, hỗ trợ học tập cho học sinh hòa nhập [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04].

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn như trao học bổng, trao quà tết [H2-2.4-04]; đối với học sinh có năng khiếu nhà trường phân công các giáo viên giỏi, có kinh nghiệm dạy bồi dưỡng cho các em ở tất cả các bộ môn như Thể dục, Địa lý, Ngữ văn, Hóa học, Công nghệ, Mỹ thuật... cho các em dự thi học sinh giỏi cấp huyện, cấp thành phố. Đối với học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, nhà trường phân công giáo viên dạy phụ đạo, giảm mức độ đánh giá đối với học sinh hòa nhập khuyết tật.

c) Hằng năm, nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá kết quả các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện để từ đó hỗ trợ, khen thưởng học sinh [H2-2.4-04].

Mức 2:

Sau mỗi học kỳ, cuối năm học nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá lại kết quả học tập của học sinh [H1-1.8-05]; từ đó đề ra các biện pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục nhất là đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn, quan tâm giúp đỡ học sinh yếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận [H5-5.2-01].

Mỗi năm, trường có học sinh tham gia dự thi các môn học văn hóa và đạt thành tích học sinh giỏi cấp huyện, cấp thành phố nhưng số học sinh đạt rất thấp.

Năm học	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số học sinh giỏi cấp huyện	16	16	13	12	24

Năm học	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số học sinh giỏi cấp thành phố	2	2	3	2	5

2. Điểm mạnh

Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu kém đã được nhà trường tổ chức thực hiện có nền nếp và hiệu quả từ nhiều năm nay, có học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp huyện và thành phố. Đội ngũ giáo viên có năng lực và kinh nghiệm bồi dưỡng học sinh giỏi, tinh thần và ý thức trách nhiệm cao. Hầu hết giáo viên trong trường đều có ý thức trách nhiệm, tận tụy với việc giúp đỡ học sinh yếu, học sinh hòa nhập nhằm giúp các em vươn lên trong học tập.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh giỏi cấp thành phố các môn học chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt việc rà soát, đánh giá kết quả các hoạt động giáo dục học sinh; chú trọng nâng cao chất lượng công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu để đạt kết quả cao hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ban giám hiệu đã chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt việc giảng dạy lịch sử địa phương, báo cáo hướng nghiệp những ngành nghề phổ biến ở địa phương để hướng nghiệp học sinh, góp phần thực hiện mục tiêu môn học gắn lý luận với thực tiễn, tạo ra hứng thú, động lực học tập cho học sinh thông qua các môn học. Qua đó các em hiểu biết thêm về lịch sử và văn hóa địa phương, đồng thời khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

b) Hàng năm, nhà trường thực hiện kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung giáo dục địa phương theo đúng quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo và các văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo. Ban giám hiệu tổ chức kiểm tra việc học lịch sử địa phương của học sinh và cho các em viết thu hoạch sau khi học các chủ đề hướng nghiệp các ngành nghề ở địa phương để học sinh tiếp thu tốt nội dung giáo dục địa phương [H5-5.3-03].

c) Vấn đề giáo dục địa phương đã được nhà trường triển khai thực hiện. Tuy nhiên, việc tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương chưa thực hiện nhiều.

Mức 2:

Trường đảm bảo nội dung giáo dục địa phương lồng ghép trong các tiết học theo kế hoạch giảng dạy được tổ bộ môn xây dựng trên khung chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời thực hiện nghiêm túc chương trình địa phương theo tài liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh... [H5-5.3-01].

Học sinh được tiếp cận những vấn đề về địa phương rất thân thuộc, gắn bó như đến Khu tưởng niệm di tích lịch sử Ngã Ba Giồng để tham quan học tập nên phát huy được vốn hiểu biết của mình thông qua hoạt động giáo dục địa phương. Từ đó giáo dục các em lòng yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào về truyền thống văn hóa, lịch sử, địa lý... địa phương [H3-4.2-03].

2. Điểm mạnh

Thực hiện đầy đủ các nội dung giáo dục địa phương theo các văn bản chỉ đạo của Phòng và Sở Giáo dục và Đào tạo. Thường xuyên tổ chức và đăng ký cho các em học sinh tham gia đi dâng hương, tìm hiểu lịch sử, các hoạt động Đoàn – Đội tại địa điểm Khu tưởng niệm di tích lịch sử Ngã Ba Giồng.

3. Điểm yếu

Công tác rà soát, đánh giá, cải tiến, điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục khuyến khích giáo viên và học sinh sưu tầm và bổ sung các tư liệu, tranh ảnh, bản đồ về địa phương để nâng cao hiệu quả bài học. Phó Hiệu trưởng thường xuyên theo dõi nội dung giáo dục địa phương để kịp thời điều chỉnh.

Thư viện bổ sung tư liệu giáo dục địa phương trong thư viện để học sinh có điều kiện đọc, tìm hiểu.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) *Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

Mức 2:

a) *Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;*

b) *Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ Kế hoạch hoạt động chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ Kế hoạch hoạt động chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn, căn cứ tình hình thực tiễn tại đơn vị, hằng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm, kế hoạch dạy hướng nghiệp, kế hoạch dạy nghề [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02]; [H5-5.4-03].

b) Hằng năm, trường phối hợp với các trường Cao đẳng, Trung cấp nghề, các trường THPT Dân lập hướng nghiệp xây dựng và thực hiện có hiệu quả kế hoạch hoạt động hướng nghiệp, dạy nghề phổ thông cho học sinh. Học sinh khối 9 đảm bảo được tổ chức trải nghiệm học tập thực tế 1 lần/1 năm học [H5-5.4-04]; [H5-5.4-05].

c) Khi nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế cho học sinh đều có sự hỗ trợ tích cực từ các nguồn lực giáo viên, nhân viên. Tất cả các bộ phận khi được huy động đều tham gia đầy đủ và thực hiện đúng nhiệm vụ được phân công [H5-5.4-06].

Mức 2:

a) Hằng năm kế hoạch hoạt động trải nghiệm xây dựng phù hợp với từng khối lớp, bộ môn. Trường tạo điều kiện cho học sinh học tập trải nghiệm thông qua tham quan thực tế sản xuất, tìm hiểu những ứng dụng khoa học kỹ thuật tại

khu Nông nghiệp Công nghệ cao; các chương trình trải nghiệm tại Thảo Cầm Viên,... cũng như ứng dụng kiến thức vào trong thực tế cuộc sống, làm cho các em hứng thú hơn trong quá trình học tập bộ môn Sinh, Công nghệ... nhằm giúp học sinh có định hướng nghề nghiệp đúng đắn cho tương lai [H4-4.2-03].

b) Định kỳ cuối năm, trường tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục của trường, trong đó có đánh giá việc thực hiện các hoạt động ngoại khóa, hướng nghiệp để từ đó bổ sung điều chỉnh nội dung để phù hợp với kiến thức học sinh nhằm đạt được mục tiêu giáo dục đã đề ra [H5-5.4-05]. Tuy nhiên, các hoạt động ngoại khóa, hướng nghiệp còn ít, đa phần do các trường tư thục, dân lập phổ biến. Việc rà soát, đánh giá kết quả tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động trải nghiệm của nhà trường còn chưa đi vào chiều sâu.

2. Điểm mạnh

Mỗi năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của nhà trường. Các hoạt động được tổ chức hàng năm giúp học sinh được học tập, phát triển cá nhân, thúc đẩy tham gia hoạt động lao động, cũng như ứng dụng kiến thức vào trong thực tế cuộc sống theo đúng quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo nhằm giúp học sinh định hướng tốt nghề nghiệp trong tương lai. Giáo viên được nhà trường phân công thực hiện nghiêm túc, tích cực đúng theo tiến độ của kế hoạch.

3. Điểm yếu

Tuy nhiên, các hoạt động ngoại khóa, hướng nghiệp chưa phong phú; việc rà soát, đánh giá kết quả tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động trải nghiệm của nhà trường còn chưa đi vào chiều sâu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng phân công Phó Hiệu trưởng phụ trách xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện cho học sinh học tập ngoại khóa, trải nghiệm, hướng nghiệp nhiều hơn; định kỳ rà soát, đánh giá kết quả

tổ chức thực hiện kế hoạch đạt chất lượng hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Mỗi năm, trong kế hoạch giáo dục của nhà trường có định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho các em học sinh và có kế hoạch cụ thể nhằm hình thành, rèn kỹ năng sống được thực hiện tùy theo đối tượng học sinh (theo từng khối lớp) với mốc thời gian và phân công trách nhiệm từng giáo viên cụ thể [H5-5.5-01].

b) Việc giáo dục về kỹ năng sống cho học sinh được giáo viên lồng ghép

vào nội dung các bài học chính khóa trong chương trình các môn học như: Sinh học, Địa lý, Ngữ văn, Giáo dục công dân, Công nghệ, Thể dục... thông qua các hoạt động thảo luận theo nhóm, thuyết trình, các trò chơi đố vui trong học tập. Ngoài ra qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các hoạt động ngoại khóa và sinh hoạt Đội... đã giáo dục các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng suy xét và giải quyết vấn đề thực tiễn; kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm cho học sinh [H5-5.5-02].

c) Trường phối hợp với Công an huyện tuyên truyền và hướng dẫn các em một số tình huống về cách tự phòng, chống tai nạn giao thông, phòng chống bạo lực học đường và các tai nạn thương tích khác. Trường phối hợp với Trung tâm y tế huyện tổ chức các buổi truyền thông nhằm giáo dục, tư vấn về sức khoẻ thể chất và tinh thần, giáo dục về giới tính, cách phòng chống xâm hại tình dục phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh bậc trung học cơ sở. Trường phối hợp với Hồ bơi 317 để giảng dạy cho học sinh về phòng chống đuối nước trong học đường, tuy nhiên có một số ít học sinh không tham gia lớp học phòng chống đuối nước. Trên cơ sở đó hình thành cho học sinh những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực; loại bỏ những hành vi thói quen tiêu cực trong các mối quan hệ, các tình huống và hoạt động hàng ngày. Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với các tiêu chí giáo dục của nhà trường, pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam [H1-1.10-01]; [H5-5.5-03].

Mức 2:

a) Từ đầu năm học, giáo viên chủ nhiệm đã phổ biến cho học sinh về Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông, ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; thông tin đến phụ huynh và học sinh các hành vi học sinh không được làm được quy định tại Điều 41 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng

Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đến cuối học kỳ, giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện như cho nhận xét bài làm của mình với của bạn; tự tính điểm trung bình từng môn, trung bình học kỳ và cả năm theo Thông tư 58; tự xếp loại học lực và hạnh kiểm của mình, của bạn theo Thông tư 58. Từ đó học sinh có mục tiêu học tập rõ ràng hơn.

b) Nhân dịp chào mừng các ngày lễ lớn như mừng Đảng mừng Xuân, Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, khai giảng năm học... Tổng phụ trách Đội, Ban chỉ huy Liên đội và giáo viên chủ nhiệm phổ biến kiến thức, kỹ năng và vận dụng vào thực tiễn về một số hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, trải nghiệm, một số trò chơi dân gian cho đội viên, học sinh. Thông qua hoạt động để rèn kỹ năng sống, tạo điều kiện cho học sinh phát triển toàn diện, rèn luyện cho học sinh kỹ năng nhận diện vấn đề; biết xác định tình huống, tự khẳng định; biết cách từ chối khi bị người xấu lôi kéo, dụ dỗ; xử lý linh hoạt, sáng tạo các tình huống trong cuộc sống, đặc biệt là các tình huống nguy hiểm; tạo thói quen sinh hoạt tổ, nhóm trong học tập và các hoạt động giáo dục.

Thường xuyên tổ chức các Hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa dưới hình thức các hội thi rung chuông vàng, các buổi tìm hiểu về Luật Giao thông, giới tính từ đó hình thành và phát triển khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh [H5-5.5-02]. Tuy nhiên do trường không có hồ bơi mà phải thuê hồ bơi ở bên ngoài nên chỉ tổ chức được các lớp dạy tập bơi cho học sinh ở học kỳ II năm học 2019-2020. Một số ít học sinh không tham gia lớp học phòng chống đuối nước

Mức 3:

Qua việc cho học sinh tham gia các Hội thi văn nghệ, thể thao, Nét vẽ xanh, thi các phong trào Đội,... do Nhà thiếu nhi huyện Hóc Môn, Hội đồng Đội huyện

Học Môn, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện tổ chức hoặc cho các em học sinh tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học, khéo tay kĩ thuật ở các bộ môn: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ... bước đầu giúp học sinh hình thành khả năng nghiên cứu khoa học dưới sự chỉ dẫn của giáo viên, tuy nhiên khả năng nghiên cứu còn hạn chế [H5-5.5-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có sự quan tâm đúng mức tới việc giáo dục hình thành kĩ năng sống cho học sinh. Nhà trường đã tổ chức phong phú nhiều hoạt động nhằm giáo dục kĩ năng sống cho học sinh một cách phù hợp thông qua tuyên truyền ý thức chấp hành luật giao thông, cách tự bảo vệ, phòng chống đuối nước và các tai nạn thương tích khác.

3. Điểm yếu

Một số ít học sinh không tham gia lớp học phòng chống đuối nước. Số học sinh tham gia nghiên cứu khoa học còn ít

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên giảng dạy bộ môn Thể dục tìm hiểu, động viên, khuyến khích tất cả học sinh tham gia lớp học phòng chống đuối nước.

Sang đầu tháng 01 năm 2022, Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận chuyên môn, Đoàn, Đội xây dựng kế hoạch tổ chức đa dạng, phong phú các hình thức sinh hoạt câu lạc bộ nhằm phát huy năng lực, sở trường và đáp ứng nhu cầu được học tập, sinh hoạt vui chơi của học sinh, thu hút học sinh tham gia nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 3% học sinh bỏ học, không quá 5% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 1% học sinh bỏ học, không quá 2% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Mỗi năm vào thời điểm cuối năm học nhà trường đều thống kê kết quả đánh giá xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh theo từng khối lớp. Học sinh xếp loại học lực từ trung bình trở lên ở cuối năm học chiếm tỷ lệ trên 95%, xếp loại hạnh kiểm đạt yêu cầu trở lên chiếm tỷ lệ trên 98%, đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.2-04].

b) Từ năm 2016 đến nay, tỷ lệ học sinh lên lớp luôn đạt trên 95% (tính luôn lên lớp sau khi thi lại) và trên 99% tốt nghiệp Trung học cơ sở đảm bảo mục tiêu kế hoạch của nhà trường đề ra [H1-1.2-04] [H5-5.6-01].

c) Hằng năm, nhà trường luôn đổi mới phương thức định hướng phân luồng cho học sinh phù hợp với đối tượng học sinh. Các học sinh không đậu kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông nhà trường tiếp tục tư vấn cho cha mẹ học

sinh và học sinh để các em có thể tiếp tục học ở trường trung cấp nghề, trường dân lập, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên,... Tuy nhiên tỷ lệ chưa cao, còn một số học sinh không ra lớp [H2-2.2-04].

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm và tỷ lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp thay đổi theo từng năm, có chuyển biến tích cực kể từ năm học 2016-2017 đến năm học 2022-2023 [H5-5.6-02].

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp [H1-1.2-04] và tốt nghiệp ổn định và có chuyển biến tích cực từng năm [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02]. Tuy nhiên còn một số học sinh chưa thực sự chú tâm vào việc học tập, chưa được gia đình quan tâm.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi, khá của trường đạt trên 50% qua các năm. Trong 05 năm qua, tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường có thay đổi tích cực qua các năm học:

Năm học	Học lực giỏi	Học lực khá	Học lực yếu, kém
2018-2019	31,9 %	37,0 %	4,7 %
2019-2020	45,4 %	35,0 %	3,7 %
2020-2021	49,1 %	31,6 %	2,8 %
2021-2022	49,35%	30,95%	3,01%
2022-2023	42,0%	34,1%	4,7%

Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt của trường đạt trên 98% qua các năm:

Năm học	Hạnh kiểm tốt	Hạnh kiểm khá	Hạnh kiểm trung bình
2018-2019	80,6 %	16,1 %	3,4 %
2019-2020	83,9 %	13,7 %	2,4 %
2020-2021	82,7 %	13,4 %	3,7 %

2021-2022	88,12%	10,70%	1,04%
2022-2023	85,0%	11,7%	4,2%

b) Tỷ lệ học sinh: Không quá 3% học sinh bỏ học, không quá 5% học sinh lưu ban: Còn một số học sinh chưa thực sự chú tâm vào việc học tập, chưa được gia đình quan tâm.

Năm học	Học sinh bỏ học	Học sinh lưu ban
2018-2019	1,91 %	3,79 %
2019-2020	1,90 %	0,71 %
2020-2021	1,86 %	0,71 %
2021-2022	1,04%	1,17%
2022-2023	1,72%	2,15%

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường có theo dõi chất lượng giáo dục về học tập và đạo đức cho học sinh. Kết quả đánh giá, xếp loại hạnh kiểm của học sinh có xu hướng được nâng cao về chất lượng. Cụ thể chất lượng học tập của học sinh khá, giỏi luôn ở mức cao, học sinh đạt hạnh kiểm khá, tốt chiếm tỷ lệ cao (trên 98%).

3. Điểm yếu

Trường vẫn còn học sinh lưu ban hẳn và bỏ học hằng năm. Còn một số học sinh chưa thực sự chú tâm vào việc học tập, chưa được gia đình quan tâm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo việc tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy, chú trọng phương pháp dạy học phù hợp với từng học sinh giúp cho các em tích cực học tập từ đó nâng cao chất lượng giáo dục.

Tiến hành đồng bộ nhiều giải pháp (đổi mới quản lý, phương pháp giảng dạy, công tác chính trị tư tưởng, hoạt động phong trào, ngoại khóa, công tác Đội, bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu...) để nâng cao chất lượng

giáo dục, duy trì, phát huy những thành quả đạt được khắc phục những khiếm khuyết, thiếu sót còn tồn tại.

Tổ chức nhiều hoạt động phong phú, nhiều sân chơi lành mạnh, bổ ích để thu hút, tập hợp, cảm hóa, giáo dục các em. Làm cho các em thực sự cảm thấy “Mỗi ngày đến trường là một ngày vui”, xác định động cơ học tập đúng đắn góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tiến tới triệt tiêu hiện tượng lưu ban, bỏ học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Qua đánh giá đúng thực trạng của nhà trường trong việc thực hiện chương trình giáo dục và các hoạt động giáo dục. Nhà trường tự đánh giá có những ưu điểm và hạn chế cơ bản sau:

Điểm mạnh nổi bật:

Hằng năm nhà trường đều đạt các chỉ tiêu về chất lượng của hoạt động giáo dục. Cung cấp cho học sinh vốn kiến thức cơ bản phổ thông để học sinh tiếp tục học lên các lớp trên hoặc đi vào cuộc sống thực tiễn. Ban giám hiệu thường xuyên nhắc nhở, đôn đốc kiểm tra các hoạt động giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh.

Kết quả giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh được giữ ổn định và chuyển biến tích cực trong các năm học gần đây thể hiện trong các kì thao giảng cấp huyện, trong các kì thi học sinh giỏi các môn văn hóa do Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

Các hoạt động ngoài giờ lên lớp được tổ chức bằng nhiều hình thức phong phú, giáo viên chủ nhiệm tập trung giáo dục đạo đức, rèn kỹ năng sống cho học sinh. Hoạt động giáo dục hướng nghiệp đã bước đầu thực hiện có nề nếp.

Điểm yếu cơ bản:

Một số giáo viên chưa đầu tư tiết Hoạt động ngoài giờ lên lớp, chưa thể hiện sự đổi mới phương pháp giảng dạy. Nội dung giáo dục địa phương còn hạn chế về tài liệu và thời gian. Các hoạt động rà soát, đánh giá, cải tiến các biện pháp chưa hiệu quả.

Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG

Trên đây là toàn bộ quá trình tự đánh giá một cách trung thực trong suốt quá trình kiểm tra toàn bộ các hoạt động của tập thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường, đặc biệt là các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá.

Báo cáo tự đánh giá của trường được hoàn thành là thành quả của quá trình cống hiến vì sự nghiệp giáo dục của tập thể. Đây là một công trình khoa học thể hiện sự tập trung trí tuệ cao nhất, sự đồng tâm hợp lực của Ban giám hiệu, các đoàn thể, giáo viên, nhân viên và Ban đại diện cha mẹ học sinh cùng quyết tâm vượt mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ tự đánh giá chất lượng giáo dục. Từ đó không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục, từng bước đưa nhà trường lên tầm cao mới phù hợp xu thế đổi mới và hội nhập hiện nay.

Trong suốt quá trình tự đánh giá theo 5 tiêu chuẩn mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và Ban đại diện cha mẹ học sinh trường Trung học cơ sở Lý Chính Thắng 1 hết sức phấn khởi bởi những thành quả mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua: Công tác quản lý và tổ chức nhà trường; Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên nhà trường; việc thực hiện các chương trình và hoạt động giáo dục; về công tác tài chính và cơ sở vật chất; sự phối hợp giữa nhà trường với phụ huynh học sinh; và kết quả giáo dục là thước đo phản ánh chính xác, khách quan nhất chất lượng giáo dục của nhà trường. Trong những năm qua, tỉ lệ học sinh giỏi, học sinh tiên tiến, số học sinh giỏi các cấp của nhà trường luôn đạt yêu cầu. Đó thực sự là nguồn động viên to lớn, là niềm khích lệ của mỗi thầy, cô giáo và học sinh nhà trường.

Đối chiếu với các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua với Bộ tiêu chuẩn đánh giá trường trung học cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí và chỉ số như sau:

- | | |
|--|---------------|
| - Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 28/28 | Tỉ lệ: 100%. |
| - Số lượng tiêu chí không đạt Mức 1: 0/28 | Tỉ lệ: 0%. |
| - Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 15/28 | Tỉ lệ: 53,6%. |
| - Số lượng tiêu chí không đạt Mức 2: 13/28 | Tỉ lệ: 46,4%. |

PHẦN IV: PHỤ LỤC

Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường Giải pháp giám sát thực hiện phương hướng chiến lược Biên bản giám sát	2016 - 2020 2022 - 2025	Hiệu trưởng	Văn thư
	2	[H1-1.1-02]	Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt	2022 - 2025	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	Văn thư
	3	[H1-1.1-03]	Hình ảnh niêm yết công khai kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường	2022 - 2025	Hiệu trưởng	Văn thư
	4	[H1-1.1-04]	Biên bản họp Hội đồng sư phạm công khai kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường	2022 - 2025	Chủ tịch Hội đồng trường	Thư ký Hội đồng trường
	5	[H1-1.1-05]	Biên bản giám sát thực hiện phương hướng chiến lược	2022 - 2025	Hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường	2022 - 2025	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Chủ tịch Hội đồng trường
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Văn thư
	3	[H1-1.2-03]	Kế hoạch hoạt động Hội đồng trường	2022 - 2025	Chủ tịch Hội đồng trường	Thư ký Hội đồng trường
	4	[H1-1.2-04]	Thống kê chất lượng giáo dục của nhà trường	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.2-05]	Hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ Công đoàn	2020 – 2022 2014 - 2019 2019 - 2024	Công đoàn	Chủ tịch Công đoàn
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ Chi đoàn	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Chi đoàn	Bí thư Chi đoàn
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ Liên đội	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Liên đội	Tổng phụ trách Đội
	4	[H1-1.3-04]	Giấy khen tập thể Lao động tiên tiến	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Ủy ban nhân dân huyện học Môn	Phòng truyền thống
	5	[H1-1.3-05]	Tổng kết hoạt động Liên Đội	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Liên đội	Tổng phụ trách Đội

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	6	[H1-1.3-06]	Tổng kết hoạt động Chi đoàn	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Chi đoàn	Bí thư Chi đoàn
	7	[H1-1.3-07]	Tổng kết hoạt động Công đoàn	2016 2017 2018 2019 2020	Công đoàn	Chủ tịch Công đoàn
	8	[H1-1.3-08]	Hình ảnh giấy khen Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ	2016 2017 2018 2019 2020	Đảng ủy xã Tân Thới Nhì	Bí thư Chi bộ
	9	[H1-1.3-09]	Hình ảnh Công đoàn trường chăm lo tốt đời sống công đoàn viên	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Công đoàn	Chủ tịch Công đoàn
	10	[H1-1.3-10]	Thành tích của Chi đoàn	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019	Chi đoàn	Bí thư Chi đoàn

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	11	[H1-1.3-11]	Thành tích của Liên đội	2019 – 2020 2020 – 2022 2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Liên đội	Tổng phụ trách Đội
	12	[H1-1.3-12]	Giấy khen của Chi bộ	2016 2017 2018 2019 2020	Bí thư Chi bộ	Bí thư Chi bộ
	13	[H1-1.3-13]	Hình ảnh học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhận quà	2016 2017 2018 2019 2020	Liên đội	Tổng phụ trách Đội
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng		Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Văn thư
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng 1		Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	3	[H1-1.4-03]	Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng 2		Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Văn thư
	4	[H1-1.4-04]	Quyết định thành lập Tổ chuyên môn	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Văn thư
	5	[H1-1.4-05]	Quyết định thành lập Tổ văn phòng	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Văn thư
	6	[H1-1.4-06]	Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Tổ trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng
	7	[H1-1.4-07]	Kế hoạch hoạt động Tổ Văn phòng	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Phó hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	8	[H1-1.4-08]	Các chuyên đề huyện đã dự	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	Phó hiệu trưởng
	9	[H1-1.4-09]	Biên bản họp tổ chuyên môn và tổ văn phòng	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Tổ trưởng chuyên môn Tổ trưởng tổ Văn phòng	Phó hiệu trưởng
	10	[H1-1.4-10]	Sổ sinh hoạt tổ chuyên môn	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Tổ trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng
	11	[H1-1.4-11]	Kết quả giáo dục của từng tổ bộ môn so với huyện	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Danh sách lớp	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019	Hiệu trưởng	Nhân viên công nghệ thông tin

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.6	2	[H1-1.5-02]	Bảng thống kê sĩ số học sinh	2019 – 2020 2020 – 2022 2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Nhân viên công nghệ thông tin
	3	[H1-1.5-03]	Danh sách giáo viên chủ nhiệm	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	4	[H1-1.5-04]	Số chủ nhiệm	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng Giáo viên chủ nhiệm	Văn thư
	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ Hội nghị cán bộ - công chức,	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng Chủ tịch Công đoàn	Văn thư
	2	[H1-1.6-02]	Hồ sơ đánh giá công chức, viên chức	2016 – 2017	Hiệu trưởng	Văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022		
	3	[H1-1.6-03]	Sổ đăng bộ	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Học vụ	Học vụ
	4	[H1-1.6-04]	Sổ gọi tên và ghi điểm	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Ban giám hiệu	Học vụ
	5	[H1-1.6-05]	Sổ đầu bài	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Giáo viên	Học vụ
	6	[H1-1.6-06]	Học bạ học sinh	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020	Giáo viên	Học vụ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	7	[H1-1.6-07]	Sổ quản lý cấp phát văn bằng	2020 – 2022 2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Học vụ	Học vụ
	8	[H1-1.6-08]	Sổ chuyển đi - chuyển đến	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Học vụ	Học vụ
	9	[H1-1.6-09]	Sổ công văn đi	2016 2017 2018 2019 2020	Văn thư	Văn thư
	10	[H1-1.6-10]	Sổ công văn đến	2016 2017 2018 2019 2020	Văn thư	Văn thư
	11	[H1-1.6-11]	Hồ sơ quản lý tài chính	2016 2017	Hiệu trưởng	Kế toán

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				2018 2019 2020	Kế toán	
	12	[HI-1.6-12]	Sổ tài sản	2016 2017 2018 2019 2020	Hiệu trưởng Kế toán	Kế toán
	13	[HI-1.6-13]	Quy chế chi tiêu nội bộ	2016 2017 2018 2019 2020	Hiệu trưởng Chủ tịch Công đoàn Kế toán	Kế toán
	14	[HI-1.6-14]	Hồ sơ y tế	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Nhân viên y tế	Nhân viên y tế
	15	[HI-1.6-15]	Hồ sơ của giáo viên (Kế hoạch giảng dạy, số dự giờ, số điểm cá nhân)	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020	Giáo viên	Phó hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát....	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				2020 – 2022		
	16	[H1-1.6-16]	Biên bản báo cáo tài chính	2016 2017 2018 2019 2020	Hiệu trưởng Kế toán	Kế toán
	17	[H1-1.6-17]	Công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản của đơn vị	2016 2017 2018 2019 2020	Hiệu trưởng Kế toán	Kế toán
	18	[H1-1.6-18]	Biên bản kiểm tra tài sản của Ban thanh tra nhân dân	2016 2017 2018 2019 2020	Ban Thanh tra nhân dân	Chủ tịch Công đoàn
	19	[H1-1.6-19]	Kế hoạch sử dụng sổ điểm điện tử, tin nhắn điện tử	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	20	[H1-1.6-20]	Biên bản tự kiểm tra tài chính Sổ niêm yết công khai	2016 2017	Ủy ban nhân dân huyện	Kế toán

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.7	1	[HI-1.7-01]	Biên bản kiểm tra tài chính của các cấp lãnh đạo	2018 2019 2020	Kế toán	
			Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[HI-1.7-02]	Bảng phân công toàn trường	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.8	3	[HI-1.7-03]	Niên yết công khai bảng lương và các chế độ phụ cấp khác của giáo viên	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng Kế toán	Kế toán
	1	[HI-1.8-01]	Kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục, các kế hoạch khác	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Ban giám hiệu	Văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	2	[H1-1.8-02]	Kế hoạch cá nhân của giáo viên	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Giáo viên	Phó hiệu trưởng
	3	[H1-1.8-03]	Kế hoạch phổ cập giáo dục	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Chuyên trách phổ cập	Chuyên trách phổ cập
	4	[H1-1.8-04]	Báo cáo năm học	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	5	[H1-1.8-05]	Chất lượng giáo dục của các bộ môn	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Phó hiệu trưởng	
	6	[H1-1.8-06]	Hồ sơ dạy thêm, học thêm	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.9	7	[H1-1.8-07]	Biên bản rà soát, đánh giá; nâng cao hiệu quả hoạt động	2019 – 2020 2020 – 2022 2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	1	[H1-1.9-01]	Hồ sơ xử lý khiếu nại, tố cáo	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.9-02]	Các báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng Chủ tịch công đoàn	Chủ tịch công đoàn
	3	[H1-1.9-03]	Biên bản giám sát của Thanh tra nhân dân	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Ban thanh tra nhân dân	Chủ tịch Công đoàn
	4	[H1-1.9-04]	Quy chế dân chủ cơ sở	2016 – 2017	Chủ tịch	Chủ tịch

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Bảng ký giao ước: Trường phối hợp với Công an xã tuyên truyền Luật giao thông đường bộ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh	2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Công đoàn	Công đoàn
	2	[H1-1.10-02]	Quy chế phối hợp tốt với Trạm y tế xã trong việc phòng chống dịch bệnh trong và ngoài nhà trường	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Công an huyện	Tổng phụ trách Đội
	3	[H1-1.10-03]	Kế hoạch an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Trạm y tế Nhân viên y tế	Nhân viên y tế
	4	[H1-1.10-04]	Hình chụp hộp thư góp ý đặt tại trước	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng Nhân viên y tế	Văn thư
					Hiệu trưởng	Hình ảnh

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
			khu hành chính, gần cầu thang lên lầu 1			
	5	[H1-1.10-05]	Hình chụp hệ thống camera theo dõi từng khu vực trong toàn trường		Hiệu trưởng	Hình ảnh
	6	[H1-1.10-06]	Hình ảnh tuyên truyền phòng chống bạo lực học đường		Phó hiệu trưởng	Hình ảnh
	7	[H1-1.10-07]	Biên bản kiểm tra việc an toàn cháy nổ, việc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của căn tin (Biên bản kiểm tra căn tin, biên bản kiểm tra an toàn cháy nổ)	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng Nhân viên y tế	Nhân viên y tế
	1	[H2-2.1-01]	Bảng đánh giá chuẩn Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng hằng năm	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.1	2	[H2-2.1-02]	Danh sách Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ quản lý do ngành tổ chức	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H2-2.1-03]	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng phát triển đội ngũ	2016 – 2017 2017 – 2018	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Phân công giảng dạy	2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022 2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H2-2.2-02]	Danh sách thống kê chuẩn trình độ giáo viên	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Văn thư
	3	[H2-2.2-03]	Bảng tổng hợp đánh giá chuẩn hàng năm	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Văn thư
	4	[H2-2.2-04]	Thống kê phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Phó hiệu trưởng	Nhân viên công nghệ thông tin

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Quyết định phân công nhân viên	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H2-2.3-02]	Quyết định phân công cán bộ, giáo viên, nhân viên	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H2-2.3-03]	Danh sách tổng hợp kết quả đánh giá viên chức	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Văn thư
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Kế hoạch tuyển sinh	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Học vụ
	2	[H2-2.4-02]	Danh sách học sinh theo khối	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019	Hiệu trưởng	Nhân viên công nghệ thông tin

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	3	[H2-2.4-03]	Nội quy học sinh	2019 – 2020 2020 – 2022		
	4	[H2-2.4-04]	Hình ảnh học sinh giỏi và học sinh khó khăn, hiếu học được nhận học bổng do mạnh thường quân là cựu học sinh của trường và tập thể nhóm giáo viên của trường cấp	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	[H2-2.4-05]	Danh sách học sinh thuộc diện chính sách được hưởng chế độ miễn giảm theo quy định	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Tổng phụ trách Đội	Phòng truyền thống
	6	[H2-2.4-06]	Hình ảnh chụp Buổi sinh hoạt dưới cờ, khen thưởng học sinh có thành tích cao trong học tập và phong trào	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng Kế toán	Kế toán
				2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Tổng phụ trách Đội	Phòng truyền thống

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, quan phòng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Báo cáo cơ sở vật chất hàng năm	2016 2017 2018 2019 2020	Hiệu trưởng Kế toán	Kế toán
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh công trường gồm 1 công chính và 2 công phụ			Hiệu trưởng
	3	[H3-3.1-03]	Hồ sơ thiết kế xây dựng của trường, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất		Phòng Quản lý đô thị Kế toán	Kế toán
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh các phòng: phòng học văn hóa, phòng học bộ môn; phòng học sơn màu xanh lá cây, có 10 bóng đèn, 2 quạt trần đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát,			Hiệu trưởng
	2	[H3-3.2-02]	Hình ảnh bàn ghế mỗi phòng là 23 bàn 46 ghế học sinh, có bàn ghế của giáo viên, băng từ dài 4,8m ngang 1,2m			Hiệu trưởng
	3	[H3-3.2-03]	Hình ảnh phòng học bộ môn phục vụ cho các môn Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học đạt tiêu chuẩn quy định			Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 3.3	4	[H3-3.2-04]	Hình ảnh phòng Đoàn – Đội, Truyền thống			Hiệu trưởng
	5	[H3-3.2-05]	Hình ảnh phòng Thư viện			Hiệu trưởng
	6	[H3-3.2-06]	Hình ảnh phòng Thiết bị			Hiệu trưởng
	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh phòng Hiệu trưởng, phòng Phó Hiệu trưởng,			Hiệu trưởng
	2	[H3-3.3-02]	Hình ảnh phòng hành chính			Hiệu trưởng
	3	[H3-3.3-03]	Hình ảnh phòng giám thị			Hiệu trưởng
	4	[H3-3.3-04]	Hình ảnh phòng y tế			
5	[H3-3.3-05]	Hình ảnh khu nhà để xe dành riêng cho giáo viên				Hiệu trưởng
6	[H3-3.3-06]	Hình ảnh khu để xe học sinh				Hiệu trưởng
7	[H3-3.3-07]	Hình ảnh 02 phòng nghỉ cho giáo viên nữ và giáo viên nam.				Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Hình ảnh khu vệ sinh dành riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.			Hiệu trưởng
	2	[H3-3.4-02]	Hình ảnh khu vệ sinh dành riêng cho học sinh			Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	3	[H3-3.4-03]	Hình chụp hệ thống nước sạch đó qua hệ thống tia cực tím đảm bảo cho việc sử dụng nước uống đạt tiêu chuẩn đủ phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh Hợp đồng cung cấp nước uống			Hiệu trưởng
	4	[H3-3.4-04]	Hình chụp thu gom rác được thực hiện mỗi ngày 1 lần do Hợp tác xã thu gom rác đảm nhận			Hiệu trưởng
	5	[H3-3.4-05]	Hình chụp khu tập trung rác thải			Hiệu trưởng
	6	[H3-3.4-06]	Giấy kiểm tra nguồn nước của viện Pasteur			Hiệu trưởng
	1	[H3-3.5-01]	Danh mục thiết bị		2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Nhân viên thiết bị
	2	[H3-3.5-02]	Sổ mượn thiết bị		2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Nhân viên thiết bị
Tiêu chí 3.5						

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	3	[H3-3.5-03]	Hình chụp đồ dùng dạy học để phục vụ cho công tác giảng dạy	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị
	4	[H3-3.5-04]	Kế hoạch sửa chữa và mua sắm thiết bị	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị
	5	[H3-3.5-05]	Hình ảnh đồ dùng học sinh tự làm	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị
	6	[H3-3.5-06]	Kết quả đánh giá thiết bị thực hành thí nghiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị
	7	[H3-3.5-07]	Biên bản kiểm kê thiết bị	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Thư viện nhà trường đạt tiêu chuẩn. Đạt “Thư viện trường học xuất sắc” năm học 2022-2023 .	2019 – 2020 2020 – 2022 2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Nhân viên thư viện	Nhân viên thư viện
	2	[H3-3.6-02]	Kế hoạch bổ sung sách	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Nhân viên thư viện	Nhân viên thư viện
	3	[H3-3.6-03]	Sổ ghi nhận bạn đọc	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Nhân viên thư viện	Nhân viên thư viện
	4	[H3-3.6-04]	Bảng kiểm kê bổ sung sách, báo, tạp chí và các xuất phẩm tham khảo.	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Nhân viên thư viện	Nhân viên thư viện
Tiêu chí	1	[H4-4.1-01]	Danh sách Ban đại diện hội Cha mẹ	2016 – 2017	Hội trưởng	Hiệu

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
4.1			học sinh	2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hội cha mẹ học sinh	trường
	2	[H4-4.1-02]	Kế hoạch họp cha mẹ học sinh	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hội trường Hội cha mẹ học sinh	Hiệu trưởng
	3	[H4-4.1-03]	Biên bản họp cha mẹ học sinh	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hội trường Hội cha mẹ học sinh	Hiệu trưởng
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Nghị quyết của Chi bộ	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Bí thư Chi bộ	Bí thư Chi bộ
	2	[H4-4.2-02]	Hình ảnh học sinh tham quan Ngã Ba Giồng, Rạch Gầm – Xoài Mút			Hiệu trưởng
	3	[H4-4.2-03]	Hình ảnh học sinh tham quan khu Nông nghiệp Công nghệ cao thành			Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	phổ, các làng nghề thủ công Kế hoạch kiểm tra học kỳ	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.1-02]	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	3	[H5-5.1-03]	Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	4	[H5-5.1-04]	Kế hoạch giáo dục học sinh hòa nhập - khuyết tật	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	5	[H5-5.1-05]	Bảng thống kê chất lượng giáo dục	2016 – 2017	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	6	[H5-5.1-05]	Bài giảng lịch sử địa phương	2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	trường	trường
	Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Kế hoạch giáo dục bồi dưỡng học sinh giỏi, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu thể thao, nghệ thuật	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.3		1	[H5-5.3-01]	Kế hoạch giáo dục có nội dung giáo viên thực hiện tốt việc giảng dạy lịch sử địa phương	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.3-02]	Kế hoạch hướng nghiệp	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
3	[H5-5.3-03]	Các bài thu hoạch học hướng nghiệp	2019 – 2020 2020 – 2022	Phó hiệu trưởng	Tổ trưởng Tổ Công	Tổ trưởng Tổ Công

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 5.4	4	[H5-5.3-04]	Đề kiểm tra hoặc biên bản sinh hoạt tổ chuyên môn	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Phó hiệu trưởng	nghệ Phó hiệu trưởng
	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.4-02]	Kế hoạch dạy hướng nghiệp	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	3	[H5-5.4-03]	Kế hoạch dạy nghệ	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	4	[H5-5.4-04]	Hình ảnh học sinh đến tham quan các trường Cao Đẳng, Trung cấp nghệ,	2016 – 2017 2017 – 2018	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
			các trường THPT Dân lập	2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022		
	5	[H5-5.4-05]	Hình ảnh học sinh khối 9 học tập trải nghiệm thực tế	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	6	[H5-5.4-06]	Danh sách giáo viên, nhân viên hỗ trợ hoạt động trải nghiệm thực tế cho học sinh Kế hoạch hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01].	Kế hoạch kỹ năng sống	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.5-02].	Hình chụp hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các hoạt động ngoại khóa và sinh hoạt Đội	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	3	[H5-5.5-03].	Kế hoạch dạy bơi	2020 – 2022 2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H5-5.5-04].	Hình ảnh học sinh tham gia các Hội thi văn nghệ, thể thao, Nét vẽ xanh, thi các phong trào Đội	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	1	[H5-5.6-01]	Thống kê khối 9 tốt nghiệp Trung học cơ sở	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H5-5.6-02]	Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh 5 năm	2016 – 2017 2017 – 2018 2018 – 2019 2019 – 2020 2020 – 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí 5.6